



Mục lục

SỰ KIỆN

3 TÔ LÂM:

“Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

10 PHÙNG HỮU PHÚ:

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử

18 VŨ VĂN HIỀN:

Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong kỷ nguyên mới vươn mình của dân tộc

27 PHẠM VĂN LINH - VŨ HOÀNG OANH:

Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về xây dựng và hoàn thiện nền quản trị gắn với chuyển đổi số quốc gia trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước

38 NGUYỄN QUANG THUẤN:

Cơ hội, thách thức và quan điểm, giải pháp xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

50 NGUYỄN VĂN GIANG:

Đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong kỷ nguyên phát triển mới

58 PHAN THANH KHÔI:

Ph.Ăngghen, người thực hiện di chúc về trước tác của C.Mác và ý nghĩa cho công tác lý luận hiện nay



SỰ KIỆN

“TINH - GỌN - MẠNH - HIỆU NĂNG - HIỆU LỰC - HIỆU QUẢ”

● TÔ LÂM

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

1 Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng, Nhà nước ta luôn đặc biệt coi trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đây là một trong những yếu tố then chốt đưa Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành người cầm lái vĩ đại, người thuyền trưởng tinh anh đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt mọi thác ghềnh, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điểm hội tụ chiến lược sau 40 năm đổi mới đất nước đang đem đến cơ hội lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; cũng đặt ra yêu cầu cấp bách thực hiện quyết

liệt cuộc cách mạng nhằm xây dựng hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn Cách mạng mới.

Mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta từ năm 1945 đến nay cơ bản ổn định gồm 3 khối (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội). Với cơ chế vận hành Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, tổ chức bộ máy của từng khối đã có sự điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đến nay, khái niệm “Hệ thống chính trị” chính thức được sử dụng đánh dấu sự phát triển tư duy, nhận thức của

Đảng về yêu cầu, nhiệm vụ đối với hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xuất phát từ tầm quan trọng đặc biệt và đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn phát triển nóng bỏng của đất nước, qua nhiều kỳ

Đại hội, nhất là trong các đại hội gần đây, trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, XII, XIII đều nhấn mạnh các nhiệm vụ cụ thể về tinh gọn tổ chức bộ máy hoặc nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong

giai đoạn mới. Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta liên tục ban hành nhiều Nghị quyết, Kết luận để lãnh đạo thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực hiệu quả, như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 09/2/2007

Ban Chấp hành Trung ương khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, định hướng đổi mới tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung

Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta liên tục ban hành nhiều Nghị quyết, Kết luận để lãnh đạo thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực hiệu quả.

ương khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/2/2008 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội

ngũ cán bộ, đảng viên; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về

đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 50-KL/TW, ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18; Kết luận số 37-KL/TW, ngày 02/2/2009 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược cán bộ đến năm 2020; Kết luận số 63-KL/TW, ngày 27/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Kết luận số 62-KL/TW, ngày 8/12/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, hệ thống tổ chức đảng các

cấp, bộ máy Nhà nước từ Trung ương tới cơ sở, tổ chức cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được đổi mới, phát huy hiệu lực, hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thông qua vai trò, sức mạnh của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền; kinh tế xã hội phát triển, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Những đổi mới về thể chế, trọng tâm là đổi mới công tác tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một trong những điều kiện cơ bản, quyết định đạt được những thành tựu vĩ đại sau 40 năm đổi mới đất nước.

Qua 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chúng ta đã đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nhận thức và hành động của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, quyết tâm chưa cao, hành động chưa quyết liệt, việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, tổng thể, chưa gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại... một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin-cho, dễ nảy sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực... Chính vì vậy, cho đến nay tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác giữa nhiều cơ quan, bộ phận chưa thật rõ ràng, còn trùng lặp, chồng chéo; phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, hợp lý, có chỗ bao biện làm thay, có nơi bỏ sót hoặc không đầu tư thích đáng... Chất lượng tham mưu, đề xuất của một cơ quan, tổ chức đảng với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với một số lĩnh vực còn hạn chế; năng lực điều phối, hướng dẫn, tổ chức thực hiện trong toàn Đảng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; phân định phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của các bộ chưa triệt để; một số nhiệm vụ liên thông, gắn kết nhau hoặc cùng một lĩnh vực nhưng giao cho nhiều bộ quản lý. Tổ chức bộ máy của một số

Qua 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chúng ta đã đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị.

cấp, ngành đến nay cơ bản vẫn giữ nguyên về số lượng, việc sắp xếp chưa gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả, xác định vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ. Bộ máy trong Bộ, cơ quan ngang Bộ còn nhiều tầng nấc, có cấp không rõ địa vị pháp lý; đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân tăng, gia tăng tình trạng “Bộ trong Bộ”. Tình giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ.

Những tồn tại, hạn chế, sự chậm chạp, thiếu quyết liệt trong thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Bộ máy cồng kềnh gây lãng phí và kìm hãm sự phát triển, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng chậm đi vào thực tiễn cuộc sống hoặc một số chủ trương không được triển khai hoặc triển khai hình thức trên thực tế. Sự chông chéo, phân định không rõ chức năng, nhiệm vụ dẫn đến không rõ trách nhiệm, “lấn sân”, cản trở, thậm chí “vô hiệu hóa” lẫn nhau, làm giảm tính chủ động, sáng tạo, dẫn đến năng suất lao động, hiệu suất công tác thấp, đùn đẩy trách

nhiệm, tiêu cực, cản trở phát triển, phát sinh phiền nhiễu, giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Tầng nấc trung gian dẫn đến mất thời gian qua “nhiều cửa” thủ tục hành chính, gây cản trở, thậm chí tạo điểm nghẽn, làm lỡ cơ hội phát triển. Chi phí vận hành hệ thống tổ chức bộ máy lớn, làm giảm nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. So với những thay đổi to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới, sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những thành tựu khoa học công nghệ; tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta tuy đã được đổi mới ở một số bộ phận, nhưng cơ bản vẫn theo mô hình được thiết kế từ hàng chục năm trước, nhiều vấn đề không còn phù hợp với điều kiện mới là trái với quy luật phát triển; tạo ra tâm lý “Nói không đi đôi với làm”.

2. Thời điểm 100 năm đất nước ta dưới sự lãnh đạo Đảng và 100 năm thành lập nước không còn xa, để đạt được các mục tiêu chiến lược, không chỉ đòi hỏi những nỗ lực phi thường, những cố gắng vượt bậc, mà còn không cho phép chúng ta chậm trễ, lơi

lỏng, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ, thiếu nhịp nhàng trên từng bước đi; muốn vậy cần khẩn trương thực hiện cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, với một số công tác trọng tâm, sau đây:

Thứ nhất: xây dựng và tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Tập trung tổng kết 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, đánh giá nghiêm túc, toàn diện về tình hình và kết quả đạt được, những ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết; đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tổng kết phải tiến hành khách quan, dân chủ, khoa học, cụ thể, sâu sắc, cầu thị, sát đúng với tình hình thực tiễn từ đó đề xuất mô hình tổ chức mới, đánh

giá ưu điểm và tác động khi thực hiện mô hình mới, phải bám sát Hiến pháp, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương... bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực; hạn chế tổ chức trung gian; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể trên cơ sở tính đảng, tính hợp lý, tính hợp pháp.

Thứ hai: tập trung hoàn thiện thể chế theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng” để nhanh chóng đưa chủ trương của Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống. Rà soát các quy định pháp luật có liên quan để chủ động chuẩn bị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo đúng quy định, bảo đảm chủ trương của Đảng được triển khai nhanh nhất sau khi được Trung ương thống nhất thông qua. Tập trung hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, gắn với tinh thần đầy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách

nhiệm”, Trung ương, Chính phủ, Quốc hội tăng cường hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát và cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước, bảo đảm sự phân biệt rõ cấp ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật với cấp tổ chức thực hiện.

Thứ ba: gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh. Ban hành quy định về khung tiêu chuẩn, tiêu chí bố trí cán bộ ở từng cấp, từ Trung ương tới cơ sở, từng loại hình để chủ động rà soát, xác định có thể bố trí ngay. Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được, không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong đánh giá cán bộ. Có cơ chế hữu hiệu sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với

những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và sử dụng đối với người có năng lực nổi trội.

V.I.Lênin khi nói về cải tiến bộ máy Nhà nước đã nhấn mạnh: “Phải tuân theo qui tắc này: thà ít mà tốt... Tôi biết rằng giữ vững qui tắc ấy và vận dụng được nó vào tình hình thực tế của chúng ta là khó khăn... Tôi biết rằng sẽ phải kháng cự một cách mãnh liệt, sẽ phải tỏ ra kiên trì phi thường... Song tôi vẫn tin chắc rằng chỉ có tiến hành công tác đó, chúng ta mới có thể xây dựng được một nước cộng hòa thật sự xứng danh là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-Viết”¹; xây dựng tổ chức bộ máy hiệu lực hiệu quả là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất, dũng cảm, sự hy sinh của từng cán bộ, đảng viên cùng với quyết tâm rất cao của toàn Đảng, cả hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, tất cả vì sự một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sớm sánh vai với các cường quốc năm châu ■

¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.45, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979 tr.445.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VÀ NHỮNG YÊU CẦU LỊCH SỬ

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

1. Kỷ nguyên mới và những yêu cầu lịch sử

Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên tiếp nối kỷ nguyên tạo thành lịch sử phát triển liên tục, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện của một quốc gia, dân tộc.

Gần 95 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, nhìn tổng quát, dân tộc Việt Nam đã trải qua hai kỷ nguyên về

vang. Kỷ nguyên thứ nhất là Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930 - 1975), khởi đầu từ năm 1930 khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dẫn đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và những chiến công vĩ đại trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược (1946 - 1975) cùng những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc những năm 1954 - 1975. Kỷ nguyên thứ hai là Kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới, phát triển (1975 - 2025), mở đầu bằng thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội năm 1975, tạo tiền đề vững chắc để đất nước, dưới sự

lãnh đạo của Đảng, tiến hành công cuộc đổi mới bắt đầu từ Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986, tạo bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên các lĩnh vực. Và bây giờ, Việt Nam bước vào kỷ nguyên thứ ba, *Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc* mà thời điểm mở đầu là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, ghi dấu ấn 40 năm đổi mới (1986 - 2026).

Mỗi kỷ nguyên đều xuất hiện một cách khách quan những yêu cầu lịch sử đòi hỏi quốc gia, dân tộc phải đáp ứng tốt nhất để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã xác định.

Trong *Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930 -1975)*, mục tiêu sống còn của Việt Nam là phải xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, trở thành một quốc gia độc lập, tiến lên xây dựng chế độ xã hội mới. Mục tiêu chiến lược đó đặt ra yêu cầu phải tập hợp rộng rãi nhất, phát huy mạnh mẽ nhất sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, đập tan ách thống trị của đế quốc, phong kiến, giành và giữ độc lập, tự do; xây dựng những tiền đề ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh

đạo đúng đắn của Đảng, dân tộc Việt Nam đã phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giải quyết thành công yêu cầu lịch sử và hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược.

Trong *Kỷ nguyên thống nhất, đổi mới, phát triển (1975 - 2025)*, mục tiêu hàng đầu của Việt Nam là phải chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, thoát ra khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân, xác lập vị thế quốc tế xứng đáng. Mục tiêu chiến lược đó đặt ra yêu cầu lịch sử phải đổi mới toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập quốc tế. Sau gần 50 năm đất nước thống nhất, 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi các yêu cầu lịch sử, đổi mới thành công, vượt thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo ra thế và lực mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế mới.

Chính những thành tựu lịch sử đạt được qua hai kỷ nguyên đấu tranh, lao động sáng tạo bền bỉ đã tạo tiền đề,

nền tảng vững chắc để Việt Nam bước vào kỷ nguyên thứ ba: Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khởi đầu từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng: Đây “là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao¹. Mục tiêu của kỷ nguyên thứ ba là sự tích hợp ở tầm cao mới, trình độ mới những mục tiêu của hai kỷ nguyên trước, phản ánh sự phát triển về chất của mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, của sự vận động biện chứng độc lập - tự do - hạnh phúc. Kỷ nguyên mới đặt ra những yêu cầu lịch sử đặc biệt, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần nhận thức sâu sắc, quyết tâm, quyết liệt hành động để hiện thực hóa

khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

2. Một số yêu cầu lịch sử trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

2.1. Nói một cách khái quát, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là kỷ nguyên đột phá, phát triển tăng tốc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa quốc gia, dân tộc lên một tầm cao mới, tiến cùng thời đại.

Yêu cầu bao trùm trong kiến tạo kỷ nguyên mới là phải tiến hành đồng thời, thắng lợi một quá trình “đột phá kép”. Một mặt, phải đột phá đi thẳng vào hiện đại, vào những lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ số, mà Việt Nam có lợi thế; vào quản trị quốc gia hiện đại trên nền tảng chính phủ số, xã hội số, công dân số, tạo sự phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Mặt khác, phải đột phá trong việc giải quyết triệt để những điểm nghẽn, những yếu kém, hạn chế, những khó khăn đang kìm hãm, cản trở sự phát triển của đất nước. Hai quá trình đột phá này cần phải được tiến hành song song, đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau, trong đó đi tắt, đón đầu, đi thẳng vào hiện đại là cơ bản, có ý nghĩa quyết định; khắc phục, giải

quyết những yếu kém, bất cập là cấp bách, quan trọng.

Triết lý của quá trình đột phá kép này, như Tổng Bí thư Tô Lâm xác định, chính là “tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”². Triết lý chính trị khoa học này được Đảng ta đúc kết từ bài học kinh nghiệm quý báu của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và vận dụng thành công trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam - bài học chủ động tạo thời cơ, nhận thức đúng thời cơ, kiên quyết chớp thời cơ; đánh giá đúng nguy cơ, kiên quyết đẩy lùi nguy cơ, thách thức, chuyển hóa nguy cơ thành thời cơ, giành thắng lợi. Kỷ nguyên mới yêu cầu Đảng ta tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo hơn nữa, hiệu quả hơn nữa bài học kinh nghiệm quý giá này để tạo sự phát triển đột phá của đất nước.

2.2. Yêu cầu có ý nghĩa đột phá trong kiến tạo kỷ nguyên mới là đột phá về tư duy, nhận thức.

Bước vào kỷ nguyên thống nhất, đổi mới, phát triển (1975 - 2025), Đảng ta bắt đầu bằng đổi mới tư duy,

nhận thức lại một cách đúng đắn hơn, khoa học hơn quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đột phá lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với những nhận thức rất mới mẻ mà trước đổi mới còn hoàn toàn xa lạ. Chính đột phá tư duy lý luận đã khai mở con đường đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra những thành tựu vĩ đại.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc diễn ra song hành với kỷ nguyên số, kỷ nguyên của đổi mới sáng tạo mà tiếng nói chung của nhân loại là “không có gì là không thể”. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các cuộc cách mạng công nghiệp tiếp theo đang và sẽ làm đảo lộn phương cách suy nghĩ, sản xuất, sinh hoạt của các quốc gia, cộng đồng và của mỗi con người. Một lần nữa, thực tiễn lại đòi hỏi và tạo điều kiện để chúng ta đổi mới mạnh mẽ về tư duy, nhận thức. Trên cơ sở kế thừa những tư duy khoa học đã tích lũy được qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, chúng ta cần cởi mở, chăm chú, mạnh dạn tiếp

thu những tư duy mới, những xu hướng phát triển mới của nhân loại với phương châm tiến kịp, tiến cùng thời đại. Cần có những đột phá lý luận với cách tiếp cận mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về lộ trình và bước đi; về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp với cuộc cách mạng số, kỷ nguyên số; về hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc trong kỷ nguyên mới...; trên cơ sở đó, đột phá trong định hướng phát triển các lĩnh vực quan trọng của đất nước, đặc biệt là phát triển đột phá về khoa học - công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, phát huy nhân tài; về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam; về quản trị quốc gia; về hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, nâng tầm đối ngoại, ngoại giao... Chúng ta kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trên tinh thần không ngừng sáng tạo; không chủ quan, duy ý chí, nhưng kiên quyết không để chủ nghĩa giáo điều, bảo thủ kìm trói tư duy, nhận thức của chúng ta. “Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung

theo tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu phát triển mới về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa của chúng ta, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống”³. Đây thực sự là một cuộc cách mạng - cuộc cách mạng theo chân lý Hồ Chí Minh: cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân là chân lý⁴. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thống nhất nhận thức, quyết tâm đổi mới tư duy, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động, chúng ta nhất định sẽ tạo ra bước phát triển chưa từng có của dân tộc ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.3. Kỷ nguyên mới yêu cầu phải tạo đột phá trong huy động, sử dụng tối ưu các nguồn lực còn rất tiềm tàng của đất nước.

Việt Nam ta tài nguyên phong phú, các nguồn lực trong dân còn rất dồi dào, các nguồn lực từ bên ngoài theo các dòng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo chính sách đối ngoại, hội nhập đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta rất lớn; nhân dân Việt Nam cần cù, sáng tạo; con người Việt Nam yêu

nước, thông minh; nguồn lực vô hình tiềm ẩn trong lợi thế địa chính trị, địa kinh tế của đất nước là vô giá. Chính những nguồn lực to lớn này góp phần quan trọng tạo nên thành tựu vĩ đại của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn chỉ ra rằng, về vấn đề này, chúng ta còn nhiều khuyết điểm, bất cập. Do những hạn chế của hệ thống thể chế; năng lực lãnh đạo, quản lý và phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên; nhận thức chưa đến nơi của một bộ phận nhân dân..., nhiều nguồn lực của đất nước còn bị thất thoát, phí phạm, sử dụng kém hiệu quả; năng lực, trí tuệ của con người Việt Nam chưa được khơi phát đúng tầm; lợi thế của đất nước chưa được phát huy tương xứng. Kỷ nguyên mới đòi hỏi phải tạo chuyển biến căn bản về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn xã hội trong việc giữ gìn, nuôi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực của đất nước. Từng đồng tiền, bát gạo; từng mét vuông đất rừng, ngư trường, biên cương; từng via quặng; từng giờ từng ngày lao động và khả năng của mỗi con người... cần phải được quý trọng, bồi đắp, khai phóng để tạo

thành của cải vật chất. Tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, cần kiệm xây dựng đất nước phải trở thành quốc sách, thành nhiệm vụ chính trị của các tổ chức đảng, hệ thống chính trị, thành ý thức, tình cảm, việc làm tự giác của mỗi người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

2.4. Kỷ nguyên mới yêu cầu phải phát huy đến mức cao nhất các động lực phát triển đất nước, đặc biệt là tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng sáng tạo và cống hiến của toàn dân, của con người Việt Nam.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam gần 95 năm qua đã chứng minh hùng hồn, trong những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết, tinh thần đấu tranh, lao động, sáng tạo của nhân dân, của con người Việt Nam là nguồn gốc của mọi thắng lợi.

Kỷ nguyên mới với những mục tiêu lịch sử đòi hỏi khách quan phải phát huy đến mức cao nhất tinh thần, ý chí, sức mạnh của nhân dân - chủ thể đóng vai trò trung tâm của sự nghiệp kiến tạo kỷ nguyên mới. Cần chuyển hóa chủ trương, quyết sách, ý chí của

Đảng thành nhận thức, thành cảm hứng hành động, sáng tạo của toàn dân, của mỗi người Việt Nam, khởi nguồn từ việc củng cố, bồi đắp niềm tin của nhân dân theo nguyên lý: có niềm tin của nhân dân là có tất cả; mất niềm tin của nhân dân là mất tất cả. Niềm tin của nhân dân được bồi đắp, nhân lên từ nhận thức đúng đắn về con đường phát triển của dân tộc do Đảng dẫn đường, chỉ lối; từ sự tôn trọng của Đảng, hệ thống chính trị đối với vai trò làm chủ, quyền làm chủ thật sự của nhân dân; từ những thành quả thực tiễn của đất nước đem lại những lợi ích thiết thực có thể đo đếm được cho mỗi gia đình, mỗi con người Việt Nam; từ những tấm gương trong sạch, trong sáng, tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nguyên lý: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ; mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân; cần lấy hạnh phúc, sự hài lòng của nhân dân làm tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên... mà Đại

hội lần thứ XIII của Đảng đã đúc kết cần phải tiếp tục được thể chế hóa, cụ thể hóa và thực thi nghiêm túc trong thực tiễn.

2.5. Kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu hàng đầu là nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng Đảng thật sự là đạo đức, văn minh, thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc, của thời đại.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam là chân lý được đúc kết qua lịch sử vẻ vang gần một thế kỷ của Đảng, của dân tộc ta. Là người khởi xướng, lãnh đạo công cuộc kiến tạo kỷ nguyên mới, Đảng ta gánh trên vai sứ mệnh vinh quang, trọng trách nặng nề. Nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện: Bản lĩnh về chính trị, thống nhất về tư tưởng, cao về văn hóa, đẹp về đạo đức, khoa học về tổ chức, tiêu biểu về cán bộ, xứng đáng là người cầm lái vĩ đại đưa dân tộc đi đến phồn vinh, hạnh phúc. Nhân dân mong muốn và hy vọng cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, đặc biệt cán bộ cấp chiến lược, thực sự có đức, có tài,

biết lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, có năng lực thiết kế, truyền cảm hứng và làm gương để nhân dân noi theo trên cuộc hành trình dựng xây kỷ nguyên mới.

Sẽ có rất nhiều việc phải làm, phải làm quyết liệt nhưng vững chắc để có được một hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, của hệ thống chính trị tinh gọn, thống nhất, hợp lý, đồng bộ, thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc kết nối - tương tác - chia sẻ, có khả năng thích ứng cao với thời cuộc luôn thay đổi; để có được một đội ngũ cán bộ, đảng viên liêm khiết, mẫu mực, tiêu biểu hết lòng vì Đảng, vì Dân. Đây thực sự là một cuộc cách mạng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và

hệ thống chính trị trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Chỉ còn hơn một năm nữa là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng sẽ được tổ chức. Phải bắt đầu ngay từ bây giờ, phải vào cuộc tích cực, quyết liệt ngay từ bây giờ, tạo những chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, về hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân mà nòng cốt là toàn hệ thống chính trị, chuẩn bị tâm thế, khí thế, quyết tâm mới, để đến Đại hội XIV của Đảng, chúng ta triệu người như một đồng lòng, tự tin tuyên bố: Việt Nam chính thức bước vào Kỷ nguyên mới vươn mình của dân tộc; Việt Nam có thể làm được tất cả - không có gì là không thể ■

¹ GS, TS Tô Lâm: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, báo Nhân Dân, số 25193, ngày 1-11-2024, tr.2.

² GS, TS Tô Lâm: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, Tlđđ.

³ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Dự luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.28.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.10, tr.337.

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Trong những ngày tháng sôi động hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta rất phấn chấn tự hào và tin tưởng sâu sắc với việc phát động một bước chuyển mới trong sự nghiệp cách mạng nước ta của GS. TS, Tổng Bí thư Tô Lâm: “Với thế và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân, và toàn quân với những thời cơ và thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng chúng ta đã có những điều kiện cần thiết để đưa đất nước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”.

Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam có nhiều thời kỳ phát triển hết sức rực rỡ, nhưng chưa bao giờ phong độ của đất nước, vị thế của dân tộc lại được khẳng định như bây giờ. Công cuộc đổi mới trong vòng 40 năm

qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi bộ mặt của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta. Cùng với thành tựu vĩ đại của công cuộc đổi mới, chúng ta đã thực hiện một cuộc hội nhập với thế giới cả về bề rộng, chiều sâu và tầm cao với hầu hết các nước trên khắp năm châu, bốn biển, đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện với 9 quốc gia hàng đầu thế giới. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Bước vào kỷ nguyên mới đòi hỏi phải phát triển nhanh, mạnh, vững chắc, đồng bộ mọi mặt của đời sống xã hội và phải vươn lên trên tất cả các lĩnh vực, trong đó việc tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại cần được đặc biệt quan tâm bởi đó là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Bước đầu, chúng ta chúng ta có thể nhận rõ một số nội dung quan trọng của việc tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong kỷ nguyên mới.

1. Tăng cường quốc phòng

Tăng cường quốc phòng có nội dung quan trọng nhất là làm cho nền quốc phòng mạnh thêm, vững chắc thêm để hoàn thành tốt đẹp các nhiệm vụ. Tăng cường quốc phòng có các nội dung chính sau:

Thứ nhất, tăng cường và phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó lực lượng vũ trang là trọng yếu, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng

Đó là sức mạnh vô địch để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biên giới, biển đảo, không phận, không gian mạng của quốc gia; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và trật tự an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Mục tiêu cốt lõi của việc tăng cường quốc phòng được xác định trong Văn

kiện Đại hội XII của Đảng là: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”¹.

Thứ hai, tăng cường sức mạnh về chính trị và chế độ xã hội

Tăng cường quốc phòng là giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế xã hội; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ



Lực lượng quân đội diễu binh tại Lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 5/2024 _ Ảnh: VGP

nghĩa; xác định rõ sức mạnh bên trong là quyết định, phát triển kinh tế xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên; xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nền tảng tinh thần xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng. Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ ba, tăng cường tiềm lực quốc phòng ngày càng vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó

Tăng cường tiềm lực quốc phòng là tăng cường khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tinh thần ở trong nước và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Tăng cường tiềm lực quốc phòng là một trong những đột phá về lý luận và tổ chức thực tiễn của Đảng ta nhằm tạo ra nguồn lực tổng hợp bảo đảm tốt nhất cho nhiệm vụ quốc phòng trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại

hóa, hội nhập quốc tế. Nội dung cốt yếu là tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tăng cường và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận lòng dân.

Về tăng cường xây dựng lực lượng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Quân đội ta là quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân. Bộ đội ta là “bộ đội cụ Hồ” vì nhân dân quên mình, chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng cao cả, vì lợi ích quốc gia, dân tộc và lợi ích của toàn dân. Tăng cường về quân sự theo hướng tinh, gọn, mạnh, ưu tiên bảo đảm quân số cho các đơn vị sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, trọng yếu, thường xuyên. Tăng cường xây dựng các lực lượng mới như lực lượng tác chiến không gian mạng, lực lượng tên lửa chiến lược, lực lượng

không quân, hải quân hiện đại. Công tác đào tạo rèn luyện kỹ chiến thuật ngày càng tinh thông, tinh nhuệ cho các quân nhân ở các quân binh chủng. Xây dựng quân đội theo hướng hiện đại, hiện đại về tổ chức lực lượng,

Tăng cường tiềm lực quốc phòng là tăng cường khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tinh thần ở trong nước và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Tăng cường tiềm lực quốc phòng là một trong những đột phá về lý luận và tổ chức thực tiễn của Đảng ta.

hiện đại về kỷ luật, kỷ cương, tác phong, nề nếp; hiện đại trong phương thức tác chiến lấy con người làm trọng tâm. Tăng cường vũ khí, phương tiện hiện đại cũng là yếu tố quan trọng để bảo vệ Tổ quốc, ngăn ngừa và sẵn sàng đối phó với các hình thái chiến tranh mới, chiến tranh công nghệ cao. Thực hiện nhiệm vụ này cần nghiên cứu kỹ về phương

thức ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại; trang bị, khai thác, sử dụng vũ khí hiện đại phù hợp với điều kiện tác chiến mới kết hợp với nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận lòng dân, hình thành thế trận tác chiến rộng

khấp, vững chắc, linh hoạt. Nghiên cứu phát triển các phương thức tác chiến trong các hình thái chiến tranh, nhất là hình thái chiến tranh mới như chiến tranh phi quy ước, chiến tranh thông tin, chiến tranh trên không gian mạng.

Tăng cường chất lượng của công tác dự báo quân sự. Dự báo sát hợp tình hình thế giới, trong nước, tình hình chiến lược và khả năng ứng phó của ta để có các nhiệm vụ, giải pháp tác chiến kịp thời, hiệu quả.

2. Tăng cường an ninh

Tăng cường an ninh là làm cho lực lượng an ninh mạnh thêm để bảo đảm sự ổn định, bình an của xã hội, của đất nước. Các nhiệm vụ và nội dung chính của tăng cường an ninh là:

Thứ nhất, tăng cường an ninh về chính trị

Đây là điều cốt yếu, xuyên suốt của an ninh đất nước, an ninh chế độ. Tăng cường an ninh chính trị trọng tâm là bảo vệ vai trò, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; là bảo vệ Nhà nước, bảo vệ nhân dân và chế độ

xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an toàn xã hội và cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Chống phá hiệu quả và vô hiệu hóa mọi hoạt động thâm nhập, khủng bố, phá hoại của các tổ chức phản động, âm mưu can thiệp lật đổ từ bên ngoài, ngăn chặn không để hình thành các tổ chức chính

Tăng cường an ninh là làm cho lực lượng an ninh mạnh thêm để bảo đảm sự ổn định, bình an của xã hội, của đất nước.

trị đối lập. Phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh xử lý các âm mưu, thủ đoạn phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng; tăng cường đấu tranh có hiệu quả đối với các luận điệu sai trái, thù địch trên các

phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt trên mạng xã hội. Quản lý một cách hiệu quả các hoạt động văn hóa tư tưởng, chống các biểu hiện lệch lạc. Tuyên truyền định hướng cho quần chúng nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các đối tượng gây mất trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm an sinh, an toàn tuyệt đối các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các mục tiêu trọng tâm, các hoạt động đối ngoại, các sự kiện trọng đại của đất nước, bảo đảm Việt Nam là một

điểm đến an toàn cho bạn bè quốc tế, là đất nước thanh bình.

Thứ hai, tăng cường an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh mạng, an ninh con người, ứng phó hiệu quả với thách thức an ninh phi truyền thống, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ đe dọa đối với nền kinh tế đất nước; bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng và công cuộc đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chủ động phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế; điều tra khám phá kịp thời và xử lý nghiêm minh các tội phạm về tham nhũng, thu hồi tài sản cho Nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, chiến đấu của Đảng. Thể hiện vai trò xung kích trong bảo đảm chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian mạng, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin quốc gia. Tăng cường bảo đảm an ninh con người, coi đó là nhiệm vụ quan trọng của an ninh trong tình hình mới. Chủ động nắm bắt và ứng phó kịp thời với các yếu tố an ninh phi truyền thống, bảo đảm sự bình ổn của đất nước.

Thứ ba, tăng cường tiềm lực an ninh với việc củng cố vững chắc nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân, xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Nền an ninh nhân dân được tăng cường chăm lo xây dựng trên nền tảng “thế trận toàn dân”, hội tụ lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết toàn dân, niềm tin chính trị, ý thức trách nhiệm công dân của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước. Xây dựng nền an ninh nhân dân là nhiệm vụ quan trọng của công an nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.

Tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, Bộ Công an tiếp tục tiên phong trong việc sắp xếp bộ máy tổ chức tinh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với phương châm “Bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”; đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an ngày càng vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, bảo vệ vững chắc nền an ninh đất nước, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc an ninh biên giới,

lãnh thổ, an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh con người.

3. Tăng cường đối ngoại

Tăng cường đối ngoại là làm cho toàn hệ thống đối ngoại, ngoại giao được mạnh thêm để tăng cường quan hệ một cách có hiệu quả đối với các nước trên thế giới, bảo đảm chủ quyền và an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tăng cường đối ngoại thể hiện trên một số nội dung sau:

Thứ nhất, phát huy và tăng cường vai trò tiên phong của đối ngoại, ngoại giao

Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và vai trò của đất nước. Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”². Tiên phong thể hiện trước hết trong việc không ngừng đổi mới tư duy về đối ngoại, trong nhận thức về thế giới, định vị đất nước, quan hệ đối tác - đối tượng, mạnh dạn tìm ra hướng đi mới,

cách làm mới, mở rộng lĩnh vực mới để đáp ứng yêu cầu của đất nước; tiên phong trong công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại. Tiên phong trong những nhiệm vụ quan trọng như bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; tiên phong trong việc kiến tạo để thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc; tiên phong trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là gắn kết sức mạnh cộng đồng người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước.

Thứ hai, xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, mang bản sắc “cây tre Việt Nam”

Trong cuốn sách: “Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại mang bản sắc “cây tre Việt Nam”, GS.TS, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã xác định: “Chúng ta đã xây dựng một nền ngoại giao độc đáo của thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”, gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển, thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt nam... Vững ở gốc là nguyên tắc vì lợi ích quốc gia dân tộc để phục vụ

đường lối độc lập, tự chủ, lấy thực lực là gốc, lấy đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng để tạo thế, lập thời, lấy phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng soi đường, chỉ lối... Chắc ở thân là những phương thức tạo nên sức mạnh, trong đó sức mạnh đại đoàn kết là nhân tố sống còn; đại đoàn kết trong nước là căn bản, đoàn kết quốc tế là nhân tố hỗ trợ hết sức quan trọng.. Uyển chuyển ở cảnh là phong cách, nghệ thuật ứng xử linh hoạt, nguyên tắc “dĩ bất biến ứng vạn biến”, đặc biệt là trong những tình huống khó khăn, phức tạp... Đó là cách ứng xử “biết mình, biết người”, “biết thời, biết thế”, “biết dừng, biết tiến” của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh”³.

Thứ ba, tăng cường tiềm lực về chính trị

Đối ngoại, ngoại giao là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị nên phải phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác quốc tế, trong đó sức mạnh dân tộc thể hiện ở sức mạnh tập thể cả vật chất

và tinh thần. Đối ngoại, ngoại giao dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, sự đoàn kết của cả hệ thống chính trị tạo nên một cục diện đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới đất nước. Tăng cường tiềm lực đối ngoại, ngoại giao cũng là tăng cường trang thiết bị tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu mới. Chủ trương xây dựng tổ chức, bộ máy và đào tạo cán bộ cả về trình độ năng lực, nâng cao bản lĩnh chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống; nâng cao trình độ dự báo đúng tình hình và tham mưu xác đáng phục vụ nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh.

Để thực hiện tiếp những nhiệm vụ quan trọng nêu trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, cần có cách làm và bước đi đúng đắn trên cơ sở “biết mình, biết người”, “trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu”, nhận rõ cơ hội và thời cơ, thách thức và nguy cơ; xây dựng và thực hiện các chính sách tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại đúng đắn, đảm bảo cho đất nước ổn định, thích nghi và phát triển trong thế giới

đầy biến động hiện nay. Việc đầu tiên là phải biết mình, biết người. Biết mình là nhận rõ vị trí vị thế địa chính trị, địa kinh tế, tiềm năng và tiềm lực của đất nước, nắm chắc tiềm lực quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước đang ở mức nào và khả năng mọi mặt để tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại cao nhất, trung bình và thấp nhất có thể. Biết người chính là biết các đối tác, đối tượng có quan hệ với ta, vai trò, vị thế của các đối tác, đối tượng và sự tác động tổng hợp các yếu tố thuận và không thuận đối với nước ta.

Vấn đề cơ hội và thời cơ, thách thức và nguy cơ cũng cần nhìn nhận thấu đáo. Cơ hội là những điều kiện thuận lợi, những hoàn cảnh tốt đẹp từ trong nước và ngoài nước. Còn thời cơ được coi như đỉnh điểm của cơ hội, là tình huống đặc biệt thuận lợi, thậm chí có một không hai, tạo điều kiện cho việc hoạch định và thực hiện chính sách

nhANH chóng đạt hiệu quả về mặt thời gian, thời cơ diễn ra rất ngắn so với cơ hội, thời cơ đôi khi qua nhanh như một mũi tên bay.

Cặp đôi tương ứng với cơ hội và thời cơ là thách thức và nguy cơ. Thách thức là tình huống gặp phải những hoàn cảnh khó khăn, phức tạp, trắc trở, gian nan, thử thách bản lĩnh, ý chí của con người. Còn nguy cơ là biểu hiện cao nhất của thách thức, là tình thế đặc biệt nguy hiểm, cực kỳ cấp bách, nếu không biết cách xử lý tốt, ứng phó kịp thời thì sẽ gặp nguy cơ, tai họa.

Phương pháp khoa học và kinh nghiệm máu thịt của ông cha ta để lại là như vậy. Nắm chắc phương pháp và cách thức xử lý đó sẽ đưa ra các chính sách tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại chính xác, hiệu quả bảo đảm cho đất nước bình an, hài hòa, vững bước vào kỷ nguyên mới vươn mình của dân tộc ■

^{1,3} *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.147, 147.

² *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.162.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NỀN QUẢN TRỊ GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA ĐẤT NƯỚC

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

● ThS VŨ HOÀNG OANH

Học viện báo chí và tuyên truyền

1. Về nền quản trị quốc gia gắn với chuyển đổi số quốc gia

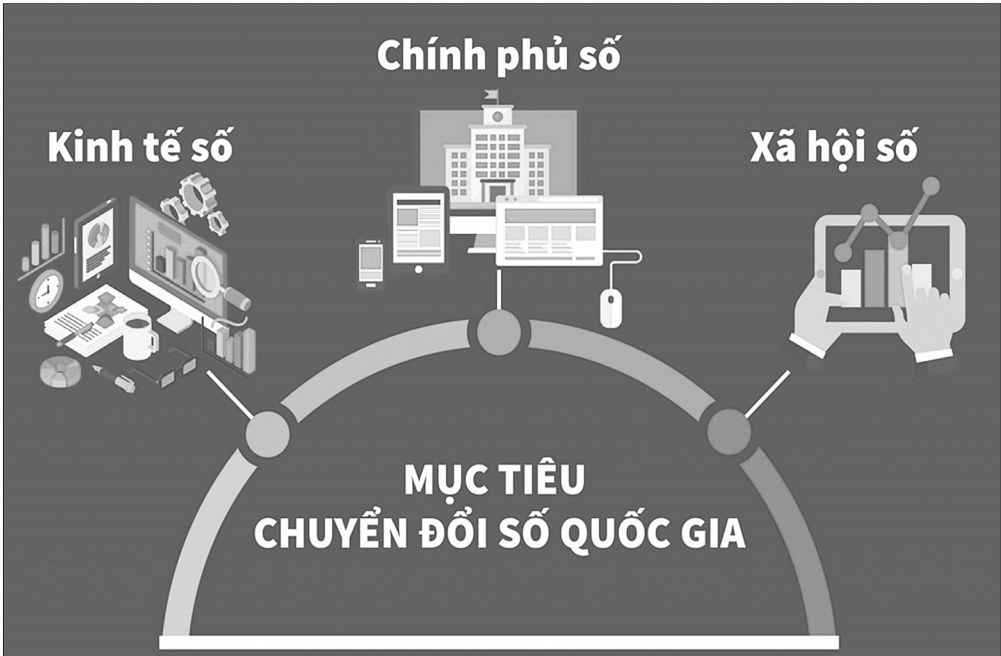
Đã có nhiều nghiên cứu, định nghĩa về quản trị quốc gia, tuy nhiên có thể khái quát chung, những *đặc điểm cơ bản* hoặc chuẩn mực chung của nền quản trị quốc gia hiện đại, *đó là*, tính pháp quyền trong thực hiện quyền lực công, ở đây không chỉ là việc ban hành chính sách mà còn cả trong quá trình thực hiện phải tuân thủ pháp luật, theo đó các cơ quan công quyền, trên cơ sở các quy định của pháp luật, không thể ban hành các quyết định

vượt phạm vi, thẩm quyền được quy định của pháp luật. *Thứ hai*, minh bạch, trong ban hành và thực thi chính sách, các quyết định hành chính, chủ thể chịu tác động của chính sách phải được biết, được tham gia, người dân được thông tin, thậm chí giám sát trong quá trình ban hành và thực thi chính sách. *Thứ ba*, trách nhiệm giải trình, các cơ quan công quyền khi ban hành chính sách phải có trách nhiệm giải trình không chỉ về mục đích ban hành, tác động xã hội mà còn phải chịu trách nhiệm về hậu quả theo thẩm quyền.

Thứ tư, sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách, được cung cấp thông tin, được tạo điều kiện để đóng góp, thể hiện quan điểm, trong một số trường hợp được trực tiếp tham gia vào quá trình ban hành chính sách. *Thứ năm*, công bằng và không loại trừ, đây là đặc điểm mang tính tiến bộ, tích cực của chế độ xã hội, lợi ích của mọi người dân, các nhóm xã hội đều phải được cân nhau và coi trọng như nhau trong quá trình ban hành và thực thi chính sách, không ai bị bỏ lại phía sau, đặc biệt là nhóm người yếu thế đều phải có cơ hội, tiếng nói tham gia vào quá trình quản trị. *Thứ sáu*, nhanh nhạy phản ứng tương thích, kịp thời đây là đặc điểm phản ánh hiệu lực, hiệu quả của nền quản trị công. Muốn vậy, các cơ quan công quyền phải phát hiện nhanh, sớm các vấn đề phát sinh và có phản ứng tương thích, nhờ đó không chỉ bảo vệ lợi ích của người dân, đất nước mà còn nâng cao tính cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, các đặc điểm khác, như tầm nhìn chiến lược, có thể dự đoán được, chống tham nhũng là các dấu hiệu phát sinh, là hệ quả khi thực hiện

tốt các đặc điểm chính nêu trên.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “*quản trị quốc gia*” mới được sử dụng nhiều trong khoảng 10 năm gần đây. Trước đó, thuật ngữ “*quản lý nhà nước*” luôn gắn liền với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện nhà nước của dân, do dân và vì dân, nhà nước dân chủ nhân dân, nhà nước chuyên chính vô sản và nay là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quá trình xây dựng, hoàn thiện nền quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam được nhắc nhiều hơn gắn với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Để nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả trước hết phải chuyển đổi căn bản mô hình, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, vận dụng, phát triển những tư tưởng trên trong quá trình đấu tranh giành độc lập, đánh đuổi giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, cho đến ngày nay. Khái quát lý luận và thực tiễn về vấn đề này, có thể thấy: Trước Cương lĩnh 1991, trong các văn kiện của Đảng,



mới xác định chuyển từ Nhà nước chuyên chính vô sản sang nhà nước có tính pháp quyền.

Đại hội IX, (2001), chủ trương: “*Xây dựng Nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng, là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân*”. Đại hội X (2006), tiếp tục khẳng định quyền lực là thống nhất, sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước; xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Cương lĩnh (bổ sung và phát triển 2011), thể hiện bước phát triển mới về nhận thức của Đảng. Khẳng định, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, là một trong 8 đặc trưng của Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng, đó là: “*Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo*”¹, sau đó mở rộng thêm, về việc *kiểm soát quyền lực*. Tư tưởng này được cụ thể hóa trong Hiến pháp năm 2013. Văn kiện Đại hội XI, XII của Đảng, đều đặt ra nhiệm vụ này, nhưng nhấn mạnh

phải được tiến hành đồng bộ, gắn với đổi mới hệ thống chính trị. Đại hội XIII của Đảng, khẳng định: “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam... là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị*”², đề ra nhiệm vụ: “Nghiên cứu, ban hành Chiến lược

xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2010-2020, Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản quan trọng khác của Đảng và Nhà nước khẳng định, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển. Xác định phải: “Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường. *Đổi mới phương thức quản trị quốc gia,*

nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành”³.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng xuất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”.

Về chuyển đổi số (digital transformation) quốc gia, ở Việt Nam, Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng xuất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế” và: “Đẩy mạnh xây dựng chính

phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt... thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng đầu trong nhóm 50 quốc gia

hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 khẳng định: Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số”. Nội dung này cũng được đề cập trong 3 đột phá chiến lược, đặc biệt là Nghị quyết 52 của khóa XII cũng đã chỉ rõ: “Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội”, “xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành trung tâm dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”. Như vậy có thể thấy, trong các văn kiện quan trọng của Đảng, chuyển đổi số quốc gia được coi là vấn đề chiến lược trong đường lối phát triển kinh tế.

2. Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với chuyển đổi số ở Việt Nam - từ quan điểm đến hiện thực

Có thể thấy, *kết quả cụ thể* đạt được thể hiện:

- Thực sự đóng góp vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử sau

40 năm đổi mới đất nước. Chưa bao giờ đất nước có vị thế, uy tín, tiềm lực và cơ đồ to lớn như ngày nay.

- Hoạt động xây dựng pháp luật phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, trong gần 50 năm đất nước thống nhất, số lượng luật và pháp lệnh ban hành tăng nhanh, trong 20 năm đầu đổi mới (1986-2005), Quốc hội thông qua 7 bộ luật, 133 luật và 15 pháp lệnh thì gần 20 năm sau (2006-2021), Quốc hội thông qua hơn 300 luật, pháp lệnh. Nhiều điều luật, điều ước quốc tế phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước đã được nội luật hóa, nhất là vấn đề liên quan đến quyền con người. Hiệu quả thực thi pháp luật không ngừng được nâng lên.

- Về chuyển đổi số quốc gia, đến nay Quốc hội đã ban hành 2 luật, 14 nghị định của chính phủ, 02 chỉ thị, 02 công điện, 07 nghị quyết, 25 thông báo kết luận của Thủ tướng. Đặc biệt năm 2023, Quốc hội đã thông qua Luật Giao dịch điện tử và Luật Viễn thông sửa đổi... Đến nay đã có 05/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ ban hành nghị quyết của Ban cán sự Đảng về chuyển đổi số; 29/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

thuộc chính phủ ban hành chương trình, kế hoạch chuyển đổi số.

- Đổi mới tư duy về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phù hợp với điều kiện KTTT định hướng XHCN, gắn kết với chuyển đổi số. Thông qua chuyển đổi số đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất hơn, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được minh bạch, hiệu lực, hiệu quả hơn. Tính chuyên nghiệp, minh bạch, trách nhiệm giải trình, phân cấp, phân quyền khoa học, hiệu lực, hiệu quả hơn.

- Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đặt ra 62 mục tiêu, đã hoàn thành 18 mục tiêu; năm 2023 đặt ra 126 nhiệm vụ, đến nay đã hoàn thành 102 nhiệm vụ, đạt 81% kế hoạch.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ không ngừng được nâng lên, trong giai đoạn 2011-2020, số cán bộ, công chức hiện có ở bộ,

ngành và địa phương từ cấp huyện trở lên là 295.536 người (trong đó ở các bộ, ngành trung ương là 125.144 người). Về chuyên môn, đào tạo: tiến sĩ: 2.347 người, (0,8%); thạc sĩ: 19.136 người (chiếm 6,5%); đại học: 210.592 người (chiếm 71,3%); cao đẳng: 12.885 người (chiếm 4,4%)⁴.

- Công cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước được triển khai tích cực bằng nhiều biện pháp. Chỉ tính riêng trong các năm 2016-2021, ngành Tòa án đã thụ lý 2.433.631 vụ việc, đã giải quyết được 2.375.938 vụ việc, đạt tỷ lệ 97,6%. Đã xét xử 7.463 vụ án tham nhũng, chức vụ, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp với 14.540 bị cáo, áp dụng hình phạt nghiêm minh, đúng pháp luật⁵, từ năm 2021-2024 công cuộc đấu tranh chống tham nhũng tiếp tục được đẩy mạnh.

- Sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội tham gia đóng góp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền không ngừng được nâng lên; chuyển đổi số góp phần tạo ra sự thống nhất, hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị không

ngừng được nâng lên; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được coi trọng.

Tuy nhiên, theo WB đánh giá chất lượng các quy định và hiệu lực của chính phủ Việt Nam còn thấp (đứng thứ 91 năm 2016, 82 năm 2017, và 68 năm 2018 trong 190 nền kinh tế được xếp hạng). Năm 2018, một số chỉ số của Việt Nam còn khá thấp, như: Khởi sự kinh doanh thứ 123 và phá sản thứ 129 trong số quốc gia được WB đánh giá. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền Trung ương và chính quyền địa phương vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm, sự chủ động của cơ sở, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, trong quản lý nguồn lực, chống tham nhũng, tiêu cực. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước trước dân còn có nơi hình thức. Vai trò của hệ thống thông tin, báo chí đã được coi trọng hơn, nhưng việc xử lý thông tin, trách nhiệm giải quyết một số vụ việc chưa rõ ràng, thậm trí nhiều vụ việc còn chưa minh bạch. Điều này cần sớm được khắc phục, trong việc nâng cao hiệu quả nền quản trị quốc gia Theo hướng hiện đại nói riêng và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

3. Một số định hướng giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả nền quản trị gắn với chuyển đổi số quốc gia trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước

Đại hội XIV của Đảng sẽ mở đầu kỷ nguyên mới, kỷ nguyên Việt Nam vươn mình, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, vững bước đi trên con đường CNXH mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Vì thế, trong kỷ nguyên mới, cần quản trị mới, thông minh. Để nâng cao hiệu quả quản trị đất nước gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, trước mắt Việt Nam cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, quản trị quốc gia theo hướng hiện đại hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam phải đặt trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, phải coi chuyển đổi số là công cụ đặc biệt quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước theo hướng kiến

tạo phát triển, liên chính, hành động. Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để người dân tham gia đầy đủ hơn vào quá trình hoạch định và thực hiện chính sách. Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

Xác định rõ hơn chức năng quản lý nhà nước, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở quy luật thị trường, đi đôi với tăng cường công tác giám sát, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không

can thiệp, làm sai lệch các quan hệ thị trường, coi trọng thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, là công cụ để nhà nước quản lý minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phân cấp, phân quyền, xác định rõ

Đại hội XIV của Đảng sẽ mở đầu kỷ nguyên mới, kỷ nguyên Việt Nam vươn mình, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, vững bước đi trên con đường CNXH mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn.

trách nhiệm giữa chính phủ với các bộ, ngành; giữa chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; khắc phục triệt để

chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Nâng cao chất lượng dịch vụ công, hành chính công.

Hai là, đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy

đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Tăng cường năng lực dự báo và khả năng thích ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giản hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Hoàn thiện cơ chế về trách nhiệm giải trình, chịu trách nhiệm về những hậu quả trong ban hành và thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước, lấy lợi ích người dân, sự hài lòng của người dân và lợi ích xã hội làm tiêu chí đánh giá.

Ba là, nghiên cứu, chủ động tham gia sâu hơn các luật chơi, tiêu chí đánh

giá quốc tế, những chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp, nền quốc gia hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong quá trình hội nhập của đất nước. Xác định đúng mức, linh hoạt mức độ can thiệp của chính phủ (quy mô, phạm vi tác động của chính phủ tới nền kinh tế thị trường đến đâu là hiệu quả, tối ưu), khắc phục những thất bại của thị trường, như bất đối xứng thông tin, hàng hóa công, các hiện tượng ngoại ứng, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng, phát triển tự phát... Khẳng định Nhà nước đóng vai trò cực kỳ to lớn trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, sự ổn định và phát triển của đất nước. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí một cách hiệu quả. Các cơ quan công quyền thực thi các quyết định đã ban hành, phải tuân thủ các quy trình, bảo đảm việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, không ai bị bỏ lại phía sau, nhất là các đối tượng yếu thế trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bốn là, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ ban hành các văn bản pháp luật, xây

dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đảm bảo cho pháp luật được nhận thức và thực hiện đầy đủ trên thực tế. Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảm bảo cho hoạt động tư pháp làm tốt chức năng bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Xây dựng và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp giai đoạn mới theo hướng tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của các cơ quan tư pháp và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Năm là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước, nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nòng cốt thực hiện chuyển đổi số. Nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật công vụ, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển. Đưa ra yêu cầu, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với nhân dân. Đẩy nhanh việc đầu tư, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản trị doanh nghiệp, quản trị quốc gia, đặc biệt là công nghệ thông tin trong quá trình chuyển đổi số quốc gia, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số. Tiếp cận những thành quả tiên tiến nhất trong quản trị quốc gia, ứng dụng vào thực

tiền Việt Nam.

Sáu là, hoàn thiện cơ chế thông tin, phản hồi, đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trên thực tế trong suốt quá trình từ khâu ban hành chính sách, quyết định hành chính đến tổ chức thực hiện, coi đây là chìa khóa nâng cao chất lượng quản trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy hành chính minh bạch và có trách nhiệm giải trình; chính phủ điện tử; thiết lập cơ chế đối thoại liên tục; xây dựng hệ thống dịch vụ công hiệu quả, cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội. Nghiên cứu, đưa ra cách tiếp cận lý thuyết về

kinh tế thị trường hiện đại, giới hạn can thiệp của Nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế; đặc điểm, mô hình quản trị quốc gia hiện đại trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu phân tích các tiêu chí cụ thể, trên bộ tiêu chí quốc tế có thể đo lường được, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, các đặc điểm riêng gắn với các tiêu chí quốc tế, những vấn đề mang tính phổ quát; những vấn đề mang tính đặc thù, phù hợp với thực tiễn Việt Nam ■

* Bài viết là kết quả nghiên cứu Chương trình trọng điểm; Đề tài KX 04.03/21-25

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.70.

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.174.

³ Báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020.

⁴ Báo cáo số 128/BC-CP, ngày 19/4/2021 của Chính phủ, tổng kết chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và định hướng giai đoạn 2021- 2030 (số liệu trên không tính quân đội, công an và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

⁵ Chánh án Tòa án nhân dân: Báo cáo Quốc hội hội công tác Tòa án nhiệm kỳ (2016-2021.)

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ GẮN VỚI HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI, KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẬN

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta qua 40 năm đổi mới và đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng. Bối cảnh mới đang đặt ra cả cơ hội và thách thức đối với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập quốc tế. Bài viết này tập trung vào cơ hội, thách thức và những quan điểm, giải pháp xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1. Bối cảnh mới, cơ hội và thách thức xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập sâu rộng

1.1. Bối cảnh mới

Về bối cảnh quốc tế, về cơ bản hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế vẫn tiến triển, tuy nhiên có nhiều thay đổi: Tốc độ chậm hơn, những toan tính lợi ích quốc gia, dân tộc thể hiện rõ hơn. Cạnh tranh giữa các nước, đặc biệt các nước lớn để chiếm lĩnh những đỉnh cao khoa học công nghệ, trước hết thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất diễn ra quyết liệt hơn. Cục diện thế giới sẽ chuyển biến nhanh hơn theo theo hướng đa cực, đa trung tâm. Khu vực hóa gia tăng đi đôi với điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ với kết quả Ông Donald Trump thắng cử

vừa qua được dự báo sẽ làm gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ sâu sắc hơn.

Thế giới đang có những thay đổi nhanh chóng mang tính thời đại với xu hướng hội nhập và chia tách đan xen. Một mặt, các hiệp định thương mại thế hệ mới, kết nối khu vực được đẩy mạnh. Trong số những điển hình là Hiệp định đối tác tiến bộ toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP. Mặt khác, xu thế chia tách cũng đang xuất hiện. Bên cạnh Nước Anh tiến hành Brexit, nhiều cuộc xung đột vũ trang khu vực đang xảy ra như xung đột Nga - Ukraine, xung đột ở Trung Đông¹. Vì vậy, các nước đều phải quan tâm ứng phó với các rủi ro địa chính trị, các luồng vốn có xu hướng dịch chuyển khỏi các quốc gia truyền thống và di chuyển đến các nền kinh tế mới nổi rõ ràng hơn.

Những vấn đề toàn cầu như xung đột, chiến tranh, bất ổn xã hội và an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường, thiên tai dịch bệnh tiếp tục tác động ngày càng mạnh mẽ đến các nước.

Thế giới đang bước vào giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0 với nhiều thay đổi mang tính đột phá, chiến lược, tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống xã hội của các nước. Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nhiều công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo(AI), chip bán dẫn, Rô bốt, Internets vạn vật(IoT) với sự ra đời của nhiều loại sản phẩm mới. Thế giới sẽ được mở rộng hơn đi liền với liên kết mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tạo ra các thách thức, nguy cơ tiềm tàng về dịch chuyển vốn, về cạnh tranh giữa thế giới thực và thế giới ảo. Cùng với việc điều chỉnh mục tiêu và chiến lược kinh doanh, một loạt các công ty công nghệ đang ráo riết chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu phát triển mới. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm cho lực lượng sản xuất mới phát triển mạnh mẽ đặt ra cả cơ hội và thách thức chưa từng có cho các quốc gia dẫn đến cạnh tranh kinh tế thế giới ngày càng khốc liệt. Xu thế nâng cao tính tự chủ về kinh tế cùng với việc phát triển những ngành sản xuất mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn ngày càng được các nước quan tâm.



Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức Lễ ra mắt chuỗi Chương trình chính luận đa loại hình, đa phương tiện “Việt Nam - Kỷ nguyên vươn mình”
_ Ảnh: dangcongsan.vn

Bối cảnh trong nước, qua gần 40 năm đổi mới đất nước ta đã nâng cao được vị thế trên các phương diện để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc:

Đất nước đã có được thế và lực mới cho sự phát triển bứt phá trong giai đoạn tiếp theo². Quy mô của nền kinh tế được mở rộng, thu hẹp khoảng cách với các nước trong khu vực. Năm 2023 quy mô kinh tế của Việt Nam đứng thứ 34 của thế giới, vị trí thứ 5 trong khu vực ASEAN. GDP danh nghĩa, năm 2020 là 371,158 tỷ

USD; năm 2021 là 462,638 tỷ USD; năm 2022 là 465,814. Về GDP bình quân đầu người của Việt Nam được công bố năm 2024, là 4.620 USD (Việt Nam đứng ở vị trí thứ 6 Đông Nam Á). Chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia: năm 2019, Việt Nam tăng 3,5 điểm (từ 58 điểm lên 61,5 điểm) cao hơn điểm trung bình toàn cầu (60,7 điểm) và tăng 10 bậc (từ vị trí 77 lên vị trí 67/141 nền kinh tế). Đặc biệt, từ năm 2021, Việt Nam đã chính thức được xếp vào nhóm các nền kinh tế có “tự do trung bình” (Moderately

Free), với điểm tổng thể của Việt Nam là 61,7 điểm (cao hơn mức trung bình của khu vực và thế giới), là nền kinh tế tự do đứng thứ 17/40 quốc gia ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và đứng thứ 90/184 nền kinh tế trên thế giới trong bảng xếp hạng; Chỉ số phát triển bền vững (SDG) của Việt Nam đã liên tục gia tăng từ vị trí 88 vào năm 2016 lên 57 vào năm 2018 và 49 vào năm 2020. Việt Nam xếp thứ 8 trong top 20 nền kinh tế tốt nhất để đầu tư năm 2019, tăng từ vị trí 23 của năm 2018 theo Tạp chí U.S. News & World Report.

Cùng với quá trình đó, Việt Nam đã hội nhập sâu, rộng vào thế giới. Việt Nam có quy mô thương mại đứng thứ 20 toàn cầu, đã có quan hệ kinh tế - thương mại với 230 nước và vùng lãnh thổ; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đến nay đã đạt khoảng 600 tỷ USD, gấp khoảng 120 lần so với những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Năm 2024, với cả phê và hò tiêu, Việt Nam đang giữ vị trí số 1 thế giới về cả sản lượng lẫn xuất khẩu. Việt Nam giữ vị trí top 3 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới niên vụ 2023-2024. Năm 2024, Việt Nam đã vượt qua cả Hàn

Quốc để trở thành nước xuất khẩu smartphone lớn thứ hai thế giới. Mỹ và Trung Quốc đang trở thành khách hàng lớn nhất của điện thoại và linh kiện Việt Nam. Việt Nam đứng đầu trong các nước sản xuất theo hợp đồng cho hãng giày Nike, chiếm 51% tổng sản lượng. Hiện nay, Việt Nam là nền kinh tế có độ mở tới 200%, vào loại cao nhất thế giới.

Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, có 9 nước đối tác chiến lược toàn diện (trong đó có 4 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc), 10 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện với các nước phát triển nhất thế giới (G20). Việt Nam xếp thứ 30 trong bảng xếp hạng các Quốc gia hùng mạnh nhất thế giới 2022 của tạp chí Mỹ US News & World Report (US News). Việt Nam đã cử quân nhân tham gia Lực lượng Gìn giữ Hòa bình Liên hợp quốc tại các khu vực có chiến tranh hay xung đột. Đồng thời, Việt Nam cũng tham gia vào việc khắc phục các sự cố của biển ô nhiễm khí hậu, tích cực gia nhập các

cơ chế hợp tác cứu hộ, cứu nạn quốc tế trên cả lĩnh vực quốc phòng và an ninh. Hệ thống chính trị của Việt Nam ổn định và vững mạnh. Năm 2007 Việt Nam gia nhập WTO nhưng đến nay đã trở thành một trong những quốc gia đi đầu trong việc hình thành các tổ chức hợp tác kinh tế, đầu tư mới như RCEP, CPTPP³.

Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc⁴. Cùng với việc có được vị thế mới trên trường quốc tế cũng như trong quan hệ kinh tế quốc tế, các định hướng lớn của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đã được chỉ rõ: (1) Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; (2) Về tăng cường tính đảng trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; (3) Về tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (4) Chuyển đổi số; (5) Chống lãng phí; (6) Cán bộ và (7) Kinh tế⁵.

Như vậy, bối cảnh quốc tế đang có

hiện nay đang tạo cho Việt Nam những cơ hội mới để tiếp tục hội nhập sâu hơn, hiệu quả hơn vào khu vực và toàn cầu. Hiện nay Việt nam có quy mô thương mại đứng thứ 20 toàn cầu, có quan hệ thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, tham gia vào nhiều định chế quốc tế và khu vực. Điều này

Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, có 9 nước đối tác chiến lược toàn diện (trong đó có 4 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc), 10 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện với các nước phát triển nhất thế giới (G20).

hiện những mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước XHCN phát triển thu nhập cao.

2. Cơ hội và thách thức xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập sâu rộng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

2.1. Về cơ hội

Một là, Với những thành tựu to lớn trong hội nhập quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh mới

hiện nay đang tạo cho Việt Nam những cơ hội mới để tiếp tục hội nhập sâu hơn, hiệu quả hơn vào khu vực và toàn cầu. Hiện nay Việt nam có quy mô thương mại đứng thứ 20 toàn cầu, có quan hệ thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, tham gia vào nhiều định chế quốc tế và khu vực. Điều này

tạo cho Việt Nam cơ hội, vị thế mới trong việc khẳng định tính độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế và đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển bứt phá.

Hai là, Việc tham gia các sáng kiến hợp tác khu vực, toàn cầu như: Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), Mê Công - Lan Thương (MLC), Vành đai và Con đường (BRI), Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP)... giúp Việt Nam có cơ hội thuận lợi phát triển và kết nối các tuyến hành lang kinh tế xuyên biên giới, đối phó với thách thức biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, tham gia toàn cầu hóa, Việt Nam có cơ hội tăng cường quan hệ với các nước lớn, nhất là các nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, trong ASEAN; tham gia xử lý các vấn đề quốc tế và khu vực...

Ba là, tham gia tiến trình toàn cầu hóa, khu vực hóa một cách tích cực, chủ động cũng là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh quảng bá lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam ra thế giới; bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản thiên nhiên, công viên địa chất, công viên sinh thái, di sản văn hóa thế giới cả vật thể lẫn phi vật thể; khẳng định

các giá trị xã hội và truyền thống tốt đẹp của Việt Nam, bản sắc Việt Nam; tích cực tham gia sáng tạo các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, khoa học... Đồng thời tạo cơ hội cho đất nước tiến nhanh, bắt kịp nhờ tận dụng động lực phát triển từ CMCN 4.0, và lợi thế từ các FTA mà Việt Nam đang và sẽ tham gia⁶.

Bốn là, thế giới biến động, các nước điều chỉnh chiến lược đầu tư, dòng vốn di chuyển rời khỏi các quốc gia truyền thống đến với các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam⁷. Việt Nam có nhiều cơ hội đón nhận những dòng vốn mới để phát triển. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ như hiện nay cũng đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội tận dụng những thành tựu mới nhất để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng những ngành công nghiệp mới có sức cạnh tranh cao.

2.2. Về thách thức

Một là, tăng trưởng của Việt Nam chưa thật sự bền vững, và có xu hướng giảm dần trong thời gian vừa qua. Chất lượng tăng trưởng chưa được nâng cao như năng suất lao

động trong những năm gần đây có xu hướng giảm. Bên cạnh đó, Hệ thống chính sách, pháp luật chưa ổn định, thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn còn nhiều bất cập, không theo kịp những đòi hỏi của thực tiễn.

Hai là, Các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước đến nay vẫn chưa đạt được. Đất nước ta vẫn chưa có được các ngành công nghiệp nền tảng phát triển vững mạnh, các ngành công nghệ cao phát triển còn hạn chế. Kinh tế đất nước vẫn phụ thuộc khá nhiều vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và việc chuyển giao công nghệ và liên kết giữa khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn nhiều hạn chế. Trong thời gian qua việc thu hút FDI chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp có công nghệ trung bình và chủ yếu là gia công, lắp ráp.

Xuất khẩu của Việt nam hiện nay khoảng 70% là từ khu vực đầu tư

nước ngoài, giá trị gia tăng của xuất khẩu thấp, phụ thuộc vào một số ít thị trường. Cán cân thương mại hàng hóa của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài luôn xuất siêu và có xu hướng tăng qua các năm, trong khi

cán cân thương mại của các doanh nghiệp trong nước luôn nhập siêu. Năng lực cạnh tranh, năng lực tự chủ chiến lược, sức chống chịu của nền kinh tế còn thấp.

Ba là, các điều kiện cơ sở quan trọng như thể chế, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng còn hạn chế. Điều này sẽ là thách thức trong phát triển nói chung, trong việc tận dụng tốt những cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói riêng. Mặc dù chúng ta đã có chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như chiến lược chuyển đổi số quốc gia cho phát triển, nhưng thách thức trong thực hiện còn rất lớn. Hơn nữa, việc tham gia vào quá trình công nghiệp hóa 4.0

Trong bối cảnh mới hiện nay đang tạo cho Việt Nam những cơ hội mới để tiếp tục hội nhập sâu hơn, hiệu quả hơn vào khu vực và toàn cầu. Hiện nay Việt nam có quy mô thương mại đứng thứ 20 toàn cầu, có quan hệ thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, tham gia vào nhiều định chế quốc tế và khu vực.

không chỉ là tiếp nhận chuyển giao mà còn phải tham gia được vào việc hình thành, tạo dựng các công nghệ 4.0 thực sự là thách thức.

Bốn là, Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong quá trình hội nhập hiện cũng là thách thức. Phát triển nguồn nhân lực trong những năm vừa qua mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới để vừa đảm bảo phát triển nhanh và bền vững, tận dụng tốt nhất những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng nền công nghiệp quốc gia hiện đại, thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra yêu cầu mới, phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Quan điểm, giải pháp xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập sâu rộng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

3.1. Quan điểm

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc những nội dung của Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII; thấm nhuần những

chủ trương đường lối về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc để khai thác tối đa thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành các mục tiêu Đại hội XIII đặt ra cho các giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045⁸.

Hai là, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với nhập quốc tế sâu rộng là chủ trương nhất quán, xuyên suốt, là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ tổ quốc.

Ba là, cần quán triệt sâu sắc nội dung xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Phải xây dựng nền kinh tế vững mạnh, hội nhập có hiệu quả vào khu vực và toàn cầu. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hiệp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi và vì sự tiến bộ, phát triển, hoà bình của nhân loại, vì hạnh phúc của con người.

3.2. Giải pháp

Một là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục cải thiện môi trường kinh

doanh, đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: (i) Chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý Nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. (ii) Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc. (iii) Đổi mới quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật. Bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam để xây dựng các quy định pháp luật phù hợp; vừa làm vừa rút kinh nghiệm, thường xuyên đánh giá hiệu quả, chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập, mâu thuẫn, giảm thiểu thất thoát, lãng phí các nguồn lực; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật. (iv) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. (v) Tập trung kiểm soát quyền

lực trong xây dựng pháp luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm”. (vi) Chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, xu hướng mới.

Hai là, phát triển nền công nghiệp quốc gia hiện đại, vững mạnh dựa trên việc đảm bảo có các ngành công nghiệp nền tảng vững chắc, các ngành công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn tiên phong như công nghệ số, công nghệ xanh và các ngành công nghiệp còn nhiều lợi thế phát triển với việc ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất hiện đại, chủ động về nguyên liệu, công nghệ sản xuất và thị trường. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Ba là, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế. Đổi mới cơ cấu xuất nhập khẩu theo hướng đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa đối tác, đa dạng hóa sản phẩm. Giữ vững các thị trường truyền thống (Châu Á, Trung

Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ...) và mở ra các thị trường tiềm năng mới (như Nam Mỹ, Châu Phi, Trung Đông...). Hình thành các chương trình hành động nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành hàng và doanh nghiệp. Tạo lập các thương hiệu Việt về sản phẩm, về doanh nghiệp, về quản trị... Khai thác hiệu quả cơ hội từ các quan hệ đối tác, hiệp định thương mại tự do; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao, làm sâu sắc hơn quan hệ song phương với các đối tác quan trọng, gia tăng tin cậy chính trị, đan xen lợi ích. Kiên trì thực hiện chính sách cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, tạo lợi ích thực chất giữa Việt Nam và các nước. Đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Bốn là, tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, nâng cấp các sân bay, bến cảng,

hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng. Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ chế phát triển cơ sở hạ tầng. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng. Trước mắt, tập trung nhân tài, vật lực, cơ chế, chính sách hoàn thành hệ thống đường cao tốc Bắc - Nam, Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Đường ven biển phía đông; Nâng cấp đường Hồ Chí Minh; Hoàn thành nhà ga sân bay Long Thành, Cảng Cái Mép - Thị Vải, Giai đoạn 1 Đường sắt tốc độ cao; Hệ thống đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Tập trung nguồn lực để kết thúc đầu tư đường cao tốc Bắc - Nam... Gỡ các điểm nghẽn và đẩy nhanh việc hoàn thành các công trình hạ tầng đô thị. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù để vận dụng thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0. Tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho phát triển số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn

phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... tạo khung pháp lý thuận lợi cho sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. (ii) Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. (iii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. (iv) Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả.

Sáu là, Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tập trung xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Để

đảm bảo vượt qua được bẫy thu nhập trung bình phần đầu đạt mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước XHCN phát triển thu nhập cao là một thách thức rất lớn. Muốn vậy, trước hết cần gỡ bỏ được các điểm nghẽn, nhất là điểm nghẽn về thể chế để khơi thông các nguồn lực, tạo ra nhự phát triển nhanh và bền vững trong suốt thời gian tới đây. Trước mắt, phải tận dụng tốt nhất những cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại, xây dựng được những ngành công nghiệp nền tảng, công mũi nhọn với trình độ công nghệ cao của thế giới.

Bảy là, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Tập trung thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung hoàn thiện trình Quốc hội Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nâng cao

hiệu quả huy động, sử dụng nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên phục vụ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Quyết liệt triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các cam kết tại COP26 theo đúng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Tóm lại, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Xây dựng và phát triển

nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới là một trong những chủ trương lớn của Đảng và nhà nước. Quán triệt đồng bộ các chủ trương lớn, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cũng như các doanh nghiệp và người dân, chúng ta sẽ hội nhập thành công và giữ vững được độc lập, tự chủ của nền kinh tế ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

² ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

³ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

⁴ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

⁵ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1 và t.2.

⁶ Nguyễn Quang Thuần: “Nhận thức và giải pháp phát triển nền công nghiệp quốc gia hiện đại, thân thiện với môi trường gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản số 999 (10-2022)*, trang 58.

⁷ Tổng cục Thống kê: *Báo cáo Thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực giai đoạn 2010-2023*, Hà Nội, 2024.

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

● PGS, TS NGUYỄN VĂN GIANG

*Thư ký khoa học
Hội đồng Lý luận Trung ương*

1. Cần khẩn trương “thực hiện cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”

Trong gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều nghị quyết, chủ trương về xây dựng, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Nhờ đó, hệ thống tổ chức đảng các cấp, bộ máy Nhà nước từ Trung ương tới cơ sở, tổ chức cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được đổi mới, phát huy hiệu lực, hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Điểm hội tụ chiến lược sau 40 năm đổi mới đất nước đang đem đến cơ hội lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự

lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới vẫn còn không ít những điểm nghẽn đang cản trở sự phát triển, trong đó, tình trạng bất cập về mô hình tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị đang là một điểm nghẽn lớn. Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, tuy đã được đổi mới ở một số bộ phận, nhưng về căn bản vẫn là mô hình tổ chức được hình thành từ hơn 60 năm

trước, trong bối cảnh đấu tranh giải phóng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc và điều kiện, môi trường kinh tế - xã hội thời kỳ áp dụng cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, theo mô hình Liên Xô, nhiều vấn

đề không còn phù hợp với điều kiện mới.

Mô hình tổ chức của Đảng và hệ thống chính trị vẫn còn những bất cập, song trùng về tổ chức, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

_____ và không xác định rõ mối quan hệ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là giữa các cơ quan trong bộ máy của Đảng với các cơ quan nhà nước, làm cho ranh giới giữa lãnh đạo và quản lý khó phân định, dễ dẫn đến bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Điểm hội tụ chiến lược sau 40 năm đổi mới đất nước đang đem đến cơ hội lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều

đầu mối; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác giữa nhiều cơ quan, bộ phận chưa thật rõ ràng, còn trùng lặp, chồng chéo; phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, hợp lý, có chỗ

bao biện làm thay, có nơi bỏ sót hoặc không đầu tư thích đáng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ;

Trong tổ chức bộ máy nhà nước, còn chồng lấn giữa lập pháp và hành pháp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin, cho, dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng. Phân định phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của các bộ chưa triệt để; một số nhiệm vụ liên thông, gắn kết nhau hoặc cùng một lĩnh vực nhưng giao cho nhiều bộ quản lý. Tổ chức bộ máy của một số cấp, ngành đến nay cơ bản vẫn giữ nguyên về số lượng, việc sắp xếp chưa gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả, xác định vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ. Bộ máy trong bộ, cơ quan ngang Bộ còn nhiều tầng nấc, có cấp không rõ địa vị pháp lý; đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân tăng, gia tăng tình trạng “Bộ trong Bộ”. Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ.

Bộ máy chồng chéo gây lãng phí và kém hiệu quả phát triển, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng chậm đi vào thực tiễn cuộc sống hoặc một số chủ trương không được triển khai hoặc triển khai hình thức trên thực tế. Sự chồng chéo, phân định không rõ chức năng, nhiệm vụ dẫn đến không rõ trách nhiệm, “lấn sân”, cản trở, thậm chí “vô hiệu hóa” lẫn nhau, làm giảm tính chủ động, sáng tạo, dẫn đến năng suất lao động, hiệu suất công tác thấp, đùn đẩy trách nhiệm, tiêu cực, phát sinh phiền nhiễu, giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Tầng nấc trung gian dẫn đến mất thời gian qua “nhiều cửa” thủ tục hành chính, gây cản trở, thậm chí tạo điểm nghẽn, làm lỡ cơ hội phát triển. Chi phí vận hành hệ thống tổ chức bộ máy lớn, làm giảm nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Để tình trạng bất cập về tổ chức bộ máy kéo dài là do công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp

trung gian còn bất cập. Nhận thức và hành động của một bộ phận cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, quyết tâm chưa cao, hành động chưa quyết liệt, cách làm chưa đồng bộ, hệ thống.

Những bất cập về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị không chỉ làm hạn chế việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng mà đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tăng thủ tục hành chính, lãng phí thời gian công sức của doanh nghiệp, công dân, làm lỡ thời cơ phát triển của đất nước, cản trở việc thúc đẩy đất nước bước vào kỷ nguyên mới, vì vậy, “cần khẩn trương thực hiện cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”¹, để xây dựng hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn Cách mạng mới.

2. Một số vấn đề cần quán triệt trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong kỷ nguyên phát triển mới hiện nay

***Thứ nhất,** tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, chủ trương, biện pháp và chỉ đạo tổ chức thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị với tinh thần cách mạng*

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong toàn Đảng, hệ thống chính trị cần bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, quán triệt kịp thời, sâu sắc các chủ trương, định hướng, văn kiện về *đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, khắc phục ngay tình trạng nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc, quyết tâm chưa cao và hành động thiếu quyết liệt* trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Cần quán triệt sâu sắc trong đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức toàn hệ thống chính trị tư tưởng chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm: “...đây là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự đoàn kết, thống

nhất, dũng cảm, hy sinh của từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, tất cả vì sự phát triển của đất nước”².

Thứ hai, tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

(1) *Tổng kết thực tiễn, đẩy nhanh thiết kế lại mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới..* Tập trung tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, đánh giá nghiêm túc, toàn diện về tình hình và kết quả đạt được, những ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết; đề xuất, kiến nghị với Bộ chính trị, Ban chấp hành trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ

thống chính trị.

Tổng kết cần tiến hành khách quan, dân chủ, khoa học, cụ thể, sâu sắc, cầu thị, sát đúng với tình hình thực tiễn từ đó đề xuất mô hình tổ chức mới, đánh giá ưu điểm và tác động khi thực hiện mô hình mới, phải bám sát Hiến pháp, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nguyên tắc của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương... bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết, sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực; hạn chế tổ chức trung gian; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể trên cơ sở tính đảng, tính hợp lý, tính hợp pháp.

(2) *Tập trung tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “bộ tổng tham mưu” của Đảng.* Xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp ủy thực sự tinh gọn; cán bộ tham mưu có phẩm chất chính trị, có năng lực, trình độ

chuyên môn giỏi, tinh thông nghề nghiệp, trách nhiệm và thông thạo công việc. Nghiên cứu, đẩy mạnh việc hợp nhất một số cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng; sớm đánh giá toàn diện việc kiêm nhiệm chức danh của Đảng và hệ thống chính trị để có quyết sách phù hợp. Bảo đảm nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng không trùng với nhiệm vụ quản lý; phân biệt và quy định rõ nhiệm vụ cụ thể của các cấp lãnh đạo trong các loại hình tổ chức đảng, tránh tình trạng bao biện làm thay, hoặc tồn tại song trùng, hình thức. Đổi mới mạnh mẽ tác phong, lề lối làm việc theo hướng khoa học, chuyên nghiệp, với phương châm “đúng vai, thuộc bài”.

(3) *Tiếp tục đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp.* Sắp xếp lại các ủy ban của Quốc hội cho tinh gọn, hoạt động hiệu quả, không bị chồng chéo hoặc chia cắt nhiệm vụ, trách nhiệm.

(4) *Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp mô*

hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ mới; đồng thời đổi mới, sắp xếp hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước. Chính phủ, bộ, ngành tiếp tục đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược.

Nghiên cứu, thực hiện mô hình bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, đảm bảo nguyên tắc “một việc, một cơ quan chủ trì”. Các bộ, ngành chủ động rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong, giảm cơ bản số tổng cục, cục, vụ, phòng; không thành lập tổ chức mới, không thành lập phòng trong vụ. Chính phủ phải giảm bớt các ban quản lý dự án, hợp nhất các đơn vị làm việc giống nhau để giảm chi phí. Các cơ quan nhà nước được giao một nhiệm vụ cụ thể và phải chịu trách nhiệm với kết quả làm việc. Một số việc mà nhà nước không nhất thiết phải làm sẽ được giao cho doanh nghiệp và tổ chức xã hội đảm nhiệm. Tổ chức các bộ, cơ quan

chuyên môn cần sắp xếp lại theo hướng giảm hợp lý các bộ, cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Từng bước xóa bỏ cơ chế phối hợp liên ngành, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại. Sắp xếp lại các đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật, chú ý đến các yếu tố văn hóa, lịch sử, quốc phòng, an ninh.

(5) *Đổi mới mạnh mẽ mô hình tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội.* Mô hình tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội cần khắc phục tình trạng công kênh, xu hướng hành chính hóa, nhà nước hóa, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội; phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới.

Thứ ba, tập trung hoàn thiện thể chế về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng” để nhanh chóng đưa chủ trương của Đảng về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy đi vào thực tiễn cuộc

sống. Rà soát các quy định pháp luật có liên quan để chủ động chuẩn bị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo đúng quy định, bảo đảm chủ trương của Đảng về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy được triển khai nhanh nhất sau khi được Trung ương thống nhất thông qua. Tập trung hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Trung ương, Chính phủ, Quốc hội tăng cường hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát và cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước, bảo đảm sự phân biệt rõ cấp ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật với cấp tổ chức thực hiện.

Thứ tư, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, giữa người quản lý và

người lao động; hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng tự chủ, tự cường của các địa phương. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo hướng đưa chính quyền địa phương (tỉnh, huyện) thành pháp nhân công quyền; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm..

Thứ năm, gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hoá chức

đanh. Ban hành quy định về khung tiêu chuẩn, tiêu chí bố trí cán bộ ở từng cấp, từ Trung ương tới cơ sở, từng loại hình để chủ động rà soát, xác định có thể bố trí ngay. Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được, không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong đánh giá cán bộ. Có cơ chế hữu hiệu sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và sử dụng đối với người có năng lực nổi trội ■

¹ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.

² Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm: *Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả*, Báo Điện tử Chính phủ, 18/11/2024.

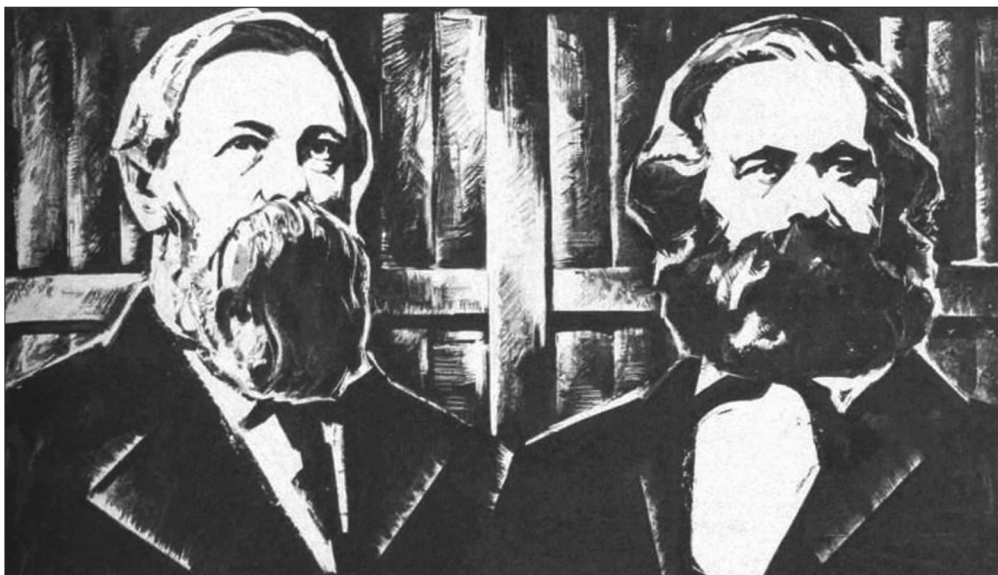
³ Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, yêu cầu cấp bách của giai đoạn cách mạng mới”*, VnExpress, 16/9/2024.

⁴ Nội dung chuyên đề của Tổng Bí thư Tô Lâm về *kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Wb ĐCSVN, 31/10/2024.

PH.ĂNGGHEN, NGƯỜI THỰC HIỆN DI CHỨC VỀ TRƯỚC TÁC CỦA C.MÁC VÀ Ý NGHĨA CHO CÔNG TÁC LÝ LUẬN HIỆN NAY

● PGS, TS PHAN THANH KHÔI

*Nguyên Thường trực Hội đồng khoa học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*



*Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân là phát kiến khoa học
vĩ đại của chủ nghĩa Mác _ Nguồn: Tư liệu*

C Mac, cũng như bao người khác, trước khi đi vào cõi ● vĩnh hằng, thường dặn lại những việc người sau cần làm (di chúc). Trong *trước tác* (những tác phẩm nói và viết) đồ sộ của C.Mác,

ngoài những tác phẩm đã in ấn, còn những bản thảo chuẩn bị xuất bản, đang viết dở hoặc mới sưu tầm được tài liệu, phác thảo đề cương... Chính Ph.Ăngghen cho hay, những ngày cuối đời¹, “Mác chỉ thị bằng miệng là Mác

đã chỉ định con gái út của Mác là Êlêônôna và tôi là những người chấp hành việc hoàn thành tác phẩm của ông”². Lịch sử cho thấy, Ph.Ăngghen đã thực hiện xuất sắc ý nguyện này của người quá cố để hôm nay chúng ta có được một học thuyết Mác khoa học và cách mạng hoàn chỉnh; có được một tấm gương cảm động về tình bạn giữa C.Mác và Ph.Ăngghen, mà như V.I.Lênin nói, như “những chuyện cổ tích”, hơn nữa: “... đã vượt xa tất cả những gì là cảm động nhất trong những truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người”³.

1. Ph.Ăngghen, sau khi C.Mác qua đời, với tinh thần khoa học và trách nhiệm cao cả đã hoàn chỉnh các bản thảo của C.Mác để xuất bản. Điển hình vấn đề này là Ph.Ăngghen với Quyển II và III bộ *Tư bản* của C.Mác. Như chúng ta đã biết, bộ *Tư bản* là tác phẩm chủ yếu của C.Mác. Đó là tác phẩm vĩ đại bậc nhất của thế kỷ, đã vận dụng tài tình những nguyên lý triết học duy vật và biện chứng về lịch sử vào nghiên cứu một cách sâu sắc những vấn đề kinh tế của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, qua đó cũng làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai

cấp công nhân hiện đại và tính khách quan của cách mạng vô sản tương lai trên toàn thế giới. Quyển I bộ *Tư bản*, với hàng ngàn trang, được xuất bản năm 1867. Mười sáu năm sau, khi C.Mác qua đời, các quyển tiếp theo mới ở dạng bản thảo. Giai cấp công nhân, các đảng cộng sản và các lực lượng tiên tiến nóng lòng mong được đọc tiếp bộ *Tư bản* và cũng thật lo lắng về công tác biên soạn phần còn bỏ dở này ra sao.

Việc biên soạn các quyển còn bị dở của bộ *Tư bản* đem in không phải là một việc dễ dàng. Về khối lượng, bản thảo là một khối khổng lồ hàng mấy ngàn trang viết. Về mặt nội dung, bản thảo hàm chứa những vấn đề khoa học phức tạp nhất, để hiểu được, đòi hỏi có chiều sâu rộng tư duy của liên ngành triết học, kinh tế học, sử học, toán học... Trong khi đó, sự biểu đạt của C.Mác trong bản thảo thật khác biệt, không giống nhau bởi được viết ở những thời điểm khác nhau của nhiều năm tháng, sử dụng nhiều thứ tiếng, bởi sự cắt quãng của nhiều công việc khác, và bởi sự chi phối vì thiếu thốn vật chất, vì tình trạng bệnh tật dày vò tác giả... Cho nên, bản thảo

quyển II bộ *Tư bản*, như Ph.Ăngghen cho biết: “Bên cạnh những phần đã được phát triển tỉ mỉ, lại có những phần cũng quan trọng như vậy, nhưng chỉ mới được viết phác ra thôi; những tài liệu thực tế cần dùng để chứng minh đã được thu thập lại, song chỉ mới được tạm sắp xếp lại chưa nói đến việc soạn lại; cuối mỗi chương, do muốn chuyển ngay sang chương sau, nên nhiều khi Mác chỉ tạm viết vài câu rời rạc dùng để đánh dấu một đoạn thuyết minh tạm thời bỏ dở; cuối cùng, lại còn lối chữ viết bất hủ mà chính Mác nhiều khi cũng không đọc được nữa”³.

Trước những khó khăn của việc hoàn thiện các bản thảo bộ *Tư bản*, để xuất bản, Ph.Ăngghen đã không ngần ngại, hơn nữa coi là nghĩa vụ. Người nói: “Tôi có nghĩa vụ phải chuẩn bị để đưa in những di cảo của Mác, và việc đó quan trọng hơn nhiều so với bất kỳ một công việc nào khác”⁴. Sẽ phải lao động không ít, nhưng đối với Ph.Ăngghen, đó là một lao động thích thú, bởi vì như Người nói, Người dường như sẽ lại được sống “cùng với người bạn cũ của mình”⁵. Ph.Ăngghen cho rằng, để

hoàn thành được nghĩa vụ đó, không chỉ thuần túy nỗ lực mà phải có một tinh thần khoa học để không làm sai lệch nội dung tác phẩm và giữ được đặc trưng trình bày của C.Mác. Từ đó, Ph.Ăngghen đã trực tiếp hoặc chỉ đạo làm rất nhiều các công đoạn, công việc với rất nhiều thời gian, kể cả khi ốm đau, của biên tập để bản thảo quyển II và quyển III bộ *Tư bản* được xuất bản vào tháng 7 năm 1885 và tháng 9 năm 1894. Xuất bản quyển II và III bộ *Tư bản* là cả một chiến công. V.I.Lênin cho biết, “Átlo, một đảng viên dân chủ - xã hội Áo đã nhận xét rất đúng rằng khi xuất bản quyển II và III của bộ *Tư bản*, Ăngghen đã dựng cho người bạn thiên tài của ông một đài kỷ niệm trang nghiêm trên đó Ăngghen cũng không ngờ là đã khắc luôn cả tên mình bằng những chữ không bao giờ mờ được”⁶.

2. Ph.Ăngghen tâm huyết và sáng tạo biến những di cảo mới chỉ là thai nghén khoa học của C.Mác thành những tác phẩm thực thụ. Điển hình điều này là đối với một trong những tác phẩm lớn nhất của Ph.Ăngghen: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ*

tư hữu và của nhà nước, được in lần thứ nhất vào tháng 10 năm 1884, sau khi C.Mác qua đời một năm.

Vào năm 1877, nhà nhân chủng học Mỹ - Luixơ Henri Moócgan cho ra mắt cuốn sách nổi tiếng: *Xã hội cổ đại hay sự nghiên cứu về những con đường phát triển của loài người từ thời đại mông muội thông qua thời đại dã man đến thời đại văn minh*. Trong đó thể hiện những công trình nghiên cứu nhiều năm của tác giả về những phong tục cổ của các bộ lạc Bắc Mỹ. L.Moócgan chỉ ra rằng, tế bào xã hội nguyên thủy là thị tộc, rằng hình thức quan hệ hôn nhân trong thời cổ là chế độ quần hôn, những hình thức khác nhau của chế độ nhiều chồng, phản ánh trong những hệ thống thân thuộc cổ xưa...

C.Mác đánh giá cao cuốn sách của L.Moócgan. Người nhận thấy tác phẩm này là một bằng chứng chứng minh cho sự đúng đắn của quan niệm duy vật về lịch sử mà mình và Ph.Ăngghen đã phát hiện ra. C.Mác định viết một tác phẩm riêng về những phát hiện của L.Moócgan. Người đã tóm tắt rất kỹ cuốn sách *Xã hội cổ đại*, nhận xét sâu sắc những kết luận của

L.Moócgan và dự định trình bày chúng trên cơ sở nghiên cứu của mình về các hình thái kinh tế - xã hội trước chủ nghĩa tư bản. Thế nhưng, C.Mác không kịp làm điều đó.

Trong khi sắp xếp lại các giấy tờ để lại của C.Mác, Ph.Ăngghen đã phát hiện ra những ghi chép trên. Từ những ghi chép của C.Mác, với tư duy uyên bác, Ph.Ăngghen nhận ra những giá trị khoa học trong đó và cùng với tâm nguyện thực hiện nguyện vọng của C.Mác, Ph.Ăngghen đã quyết định bắt tay vào công việc. Dựa vào những tài liệu của L.Moócgan, bổ sung bằng những tài liệu mới, những luận chứng kinh tế không có trong cuốn sách ấy và sử dụng những nhận xét phê phán, những ý kiến của C.Mác rút ra từ tóm tắt nói trên, cũng như những tài liệu riêng của Ph.Ăngghen về lịch sử Hy Lạp, La Mã, Airolen, về lịch sử người Giécmanh cổ đại, Ph.Ăngghen đã nhanh chóng hoàn thành tác phẩm đặc sắc của mình. Cuốn sách đã nêu lên một bức tranh rộng lớn, phong phú, đầy thuyết phục và hấp dẫn về nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất của tác phẩm

Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước, Ph.Ăngghen coi tác phẩm "... trên một mức độ nào đó là sự thực hiện một di chúc". Người với thái độ khoa học và công bằng nêu rõ: "Chính C.Mác, chứ không phải ai

khác đã dự định trình bày những kết quả của công trình nghiên cứu của L.Moócgan, gắn với những kết luận của công cuộc nghiên cứu lịch sử theo quan điểm duy vật của mình, trong những giới hạn nào đó, tôi có thể nói là của cả hai chúng tôi - và chỉ bằng cách đó mới làm sáng tỏ, được tất cả ý nghĩa của những kết quả ấy". Và thật khiêm tốn, Ph.Ăngghen nói: "Tác phẩm này của tôi chỉ có thể thay thế một cách yếu ớt những gì mà

người bạn đã quá cố của tôi không còn có thể làm được nữa mà thôi"⁷.

V.I.Lênin đã đánh giá cao tác phẩm này của Ph.Ăngghen, gọi nó là một "trong những tác phẩm cơ bản của chủ

nghĩa xã hội hiện đại". Tác phẩm là sự bay bổng khác thường của tư tưởng sáng tạo của Ph.Ăngghen, đã cung cấp cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động những luận cứ khoa học mới trên con đường cách mạng của mình⁸.

Dựa vào những tư liệu của L.Moócgan, bổ sung bằng những tài liệu mới, những luận chứng kinh tế không có trong cuốn sách ấy và sử dụng những nhận xét phê phán, những ý kiến của C.Mác rút ra từ tóm tắt nói trên, cũng như những tài liệu riêng của Ph.Ăngghen về lịch sử Hy Lạp, La Mã, Airolen, về lịch sử người Giécmanh cổ đại, Ph.Ăngghen đã nhanh chóng hoàn thành tác phẩm đặc sắc của mình.

3. Ph.Ăngghen nhiệt thành và biện chứng trong việc tái bản những tác phẩm của C.Mác. Sau khi C.Mác từ trần, những tác phẩm của Người cũng như của Ph.Ăngghen, ngày càng được giai cấp công nhân, các Đảng Cộng sản và các lực lượng tiến bộ tìm đọc, nghiên cứu. Do vậy, nhu cầu tái bản các tác phẩm của các ông là thường xuyên. Thế nhưng, *tái bản không hẳn là in lại y như cũ mà cần có sự biến đổi nào đó một cách hợp lý*, để

tác phẩm chính xác hơn, hay hơn, đúng với những yêu cầu của điều kiện mới... Điều đó lại được đặt lên vai Ph.Ăngghen và ông lại với một sự nhiệt thành trong công việc, như thực

hiện một lời hứa với người bạn thân thiết quá cố.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, C.Mác còn chưa hoàn thành sự phê phán của mình đối với môn kinh tế chính trị. Mãi đến cuối những năm 50, Người mới làm xong việc đó. Do vậy, những tác phẩm viết giai đoạn trước của C.Mác không khỏi khiếm khuyết so với các tác phẩm viết sau đó cả về nội dung lẫn hình thức. Tác phẩm *Lao động làm thuê và tư bản* của C.Mác viết năm 1849, và năm 1891, người ta yêu cầu Ph.Ăngghen cho tái bản. Ph.Ăngghen đã đồng ý. Nhưng trước khi in, Người có sửa chữa. Người cho hay, điều này rất cần, nhất là khi cuốn sách “gần như hoàn toàn chỉ nhằm để tuyên truyền trong công nhân” và phân tích một cách khoa học, thuyết phục rằng: “Trong trường hợp ấy, chắc chắn là Mác cũng sẽ sửa lại bản trình bày cũ năm 1849 cho hợp với quan điểm sau này của mình. Và tôi tin chắc rằng trong lần xuất bản này, sửa lại một đôi chỗ và thêm vào một đôi chỗ cần thiết để đạt được mục đích đó trên tất cả mọi điểm căn bản thì như thế là tôi cũng làm hoàn toàn theo tinh thần của Mác mà thôi. Vậy tôi xin nói trước với

bạn đọc: cuốn sách nhỏ này không giống hệt như quyển Mác đã viết năm 1849, mà lại gần giống với quyển sách mà Mác sẽ có thể viết năm 1891”⁹.

Cũng như vậy, khi được yêu cầu cho phép in thành sách riêng những bài báo của C.Mác viết về cuộc cách mạng Pháp năm 1848-1849, Ph.Ăngghen đã tiến hành một loạt các công việc sửa lại những lỗi in sai trong bản văn của lần in đầu, viết các chú thích, sửa lại đôi chút nhan đề của ba chương và bổ sung một số đoạn với tư cách là chương thứ tư... và đặt tên các cuốn sách là *Đấu tranh giai cấp ở Pháp*. Cuốn sách trở thành một trong những tác phẩm quan trọng nhất của C.Mác dành cho việc tổng kết cách mạng, chỉ ra tính tất yếu phải tiến hành đấu tranh tự giác của giai cấp công nhân, trình bày những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học trong việc cải biến xã hội bằng cách mạng.

Khi các tác phẩm của C.Mác được tái bản, thường Ph.Ăngghen đảm nhận việc sửa chữa và viết *lời tựa, lời mở đầu*. Nhiều lời tựa, lời mở đầu ấy như là để giải thích thêm cho tác phẩm, bổ sung chính lý hoặc nhấn mạnh vấn đề nào đó của tác phẩm... Sau sự kiện vĩ

đại là Công xã Pari, C.Mác viết tác phẩm *Nội chiến ở Pháp*. Tác phẩm quan trọng này nêu rõ ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của Công xã Pari, cho thấy Công xã Pari với những nét của Nhà nước kiểu mới - nhà nước vô sản lần đầu tiên có được trong lịch sử, các hình thức xây dựng chính quyền vô sản cần phải có để thay thế bộ máy nhà nước tư sản đã bị đập tan... Ph.Ăngghen đã viết lời mở đầu cho lần xuất bản thứ 3 (1891) tác phẩm *Nội chiến ở Pháp*. Trong đó, Người nói: “Nếu ngày nay, sau hai mươi năm, chúng ta nhìn lại hoạt động và ý nghĩa lịch sử của Công xã Pari năm 1871, thì thấy cần phải bổ sung thêm một vài điểm vào bức họa mà tác phẩm *Nội chiến ở Pháp* đã cung cấp cho chúng ta”. Và một trong những điều cần phải bổ sung này, theo Ph.Ăngghen đó là: Việc công xã mắc phải một “điều khó hiểu”, là: “Công xã không dám bước vào ngưỡng cửa Ngân hàng Pháp. Đó cũng còn là một sai lầm nghiêm trọng”¹⁰. Trong lời mở đầu này, do thực tế lúc đó ở Đức, người ta hiểu sai về vấn đề nhà nước trong cách mạng mà C.Mác đã nhiều lần đề cập, nên Ph.Ăngghen đã lưu ý: “Việc phá hủy chính quyền nhà nước cũ và

thay thế nó bằng một chính quyền nhà nước mới, thật sự dân chủ, đã được mô tả tỉ mỉ trong phần thứ ba của tác phẩm “Nội chiến”. Nhưng ở đây, cần phải nhắc lại tóm tắt một số nét của sự thay thế đó, vì chính ở Đức, sự mê tín nhà nước đã chuyển từ địa hạt triết học vào ý thức chung của giai cấp tư sản và ngay cả vào ý thức của nhiều công nhân nữa”¹¹.

4. *Ph.Ăngghen đấu tranh không mệt mỏi bảo vệ và tiếp tục phát triển những luận điểm của C.Mác*. Từ khi quen biết nhau, suốt nhiều năm công tác sáng tạo lý luận và hoạt động cách mạng, thì cũng bằng ấy thời gian, Ph.Ăngghen cùng C.Mác sát cánh đấu tranh bảo vệ những quan điểm khoa học của hai ông, mà thực chất đã trở thành tài sản tư tưởng - học thuyết cách mạng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nay, C.Mác từ trần, Ph.Ăngghen vẫn tiếp tục cùng các đồng chí khác của mình đấu tranh không mệt mỏi bảo vệ và đồng thời phát triển lý luận của C.Mác.

Khi C.Mác từ trần, những kẻ thù của chủ nghĩa Mác coi đó là dịp tốt, đã tăng cường chỉ trích C.Mác. Lý luận về giá trị và giá trị thặng dư, được phát triển

hoàn hảo trong Quyển I bộ *Tư bản*, đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng họ lại cho rằng lý luận ấy quá trừu tượng, khó hiểu và không biểu hiện đúng quan hệ hiện thực của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Họ ác ý rằng, do vậy Mác không đi xa hơn được Quyển I, không dám và không thể có được Quyển II bộ *Tư bản*. Chính vì thế, trước tình hình này mà sau khi C.Mác từ trần, Ph.Ăngghen đã ngay lập tức gác mọi công việc của mình, dành thời gian và sức lực hoàn thiện bản thảo và nhanh chóng đưa in Quyển II bộ *Tư bản*.

Khi quyển II bộ *Tư bản* ra mắt bạn đọc, thì những kẻ xấu lại tung tin rằng, trong đó C.Mác đã sao chép tác phẩm của nhà kinh tế người Đức Rodbetus. Ph.Ăngghen lên tiếng mạnh mẽ bác bỏ sự vu khống này. Ph.Ăngghen khẳng định: “Theo như tôi biết một cách đích xác cho mãi đến năm 1859, nghĩa là cho đến ngày Mác đã hoàn thành sự phê phán của riêng mình đối với khoa kinh tế chính trị không những về những nét lớn, mà cả về những chi tiết trọng yếu nhất, thì Mác không hề biết gì về hoạt động viết lách của Rodbetus cả”¹². Người còn chứng minh rằng, C.Mác có

nguyên cứu những tác phẩm kinh tế của nhiều tác giả, nhưng là những tác giả nổi tiếng. Còn những kiến thức gì mà Rodbetus có thì lại “không thể thoát ra khỏi những phạm trù kinh tế mà ông ta thấy ở những người đi trước ông ta”¹³, hơn nữa, lại không thể nào bằng được với A.Smith và Ricardo.

Văn phong của C.Mác thật bác học và những vấn đề mà Người bàn đến thật rộng lớn và phức tạp, nên không phải nội dung nào độc giả cũng hiểu hết. Vấn đề này, nếu được biết, được hỏi, Ph.Ăngghen đã nhiệt thành giải thích trên báo chí hoặc thư riêng. Đặc biệt, Người luôn lưu ý với bạn đọc phương pháp nghiên cứu của C.Mác, rằng: “... toàn bộ thể giới quan của Mác không phải là một học thuyết, mà là một phương pháp. Nó không đem lại những giáo điều có sẵn, mà đem lại những điểm xuất phát cho việc tiếp tục nghiên cứu và phương pháp cho sự nghiên cứu đó”¹⁴.

Quá trình thực hiện di chúc về trước tác của C.Mác, cũng là quá trình Ph.Ăngghen viết rất nhiều, hướng vào góp phần phát triển lý luận làm cho chủ nghĩa Mác sâu sắc và toàn diện hơn. Trong đó, ngoài tác phẩm *Nguồn*

*gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước, đã nói ở trên, phải kể đến tác phẩm lớn khác của Ph.Ăngghen là *Lútvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, viết năm 1889. Ở tác phẩm này, trên cơ sở làm rõ sự khác nhau về nguyên tắc giữa một mặt là chủ nghĩa duy vật biện chứng và mặt khác là chủ nghĩa duy vật siêu hình của Phoiobắc và phép biện chứng duy tâm của Hêghen, Ph.Ăngghen diễn tả một cách dễ hiểu và phát triển những nội dung cơ bản của triết học mácxít.*

Vào những năm 90 của thế kỷ XIX, Ph.Ăngghen có hàng loạt thư từ gửi bạn bè, đồng chí, bạn đọc... xoay quanh một chủ đề lớn nên được tập hợp lại với cái tên *Những bức thư về chủ nghĩa duy vật lịch sử*. Trong những bức thư đó, Ph.Ăngghen nghiên cứu sâu hơn và phát triển lý luận mácxít, cũng như chống lại những mưu toan lúc đó muốn tầm thường hóa quan niệm duy vật về lịch sử theo kiểu chủ nghĩa duy vật kinh tế và định mệnh về những quy luật của lịch sử. Đồng thời lúc này, trước những dấu hiệu manh nha ra đời chủ nghĩa đế quốc, Ph.Ăngghen với sự nhạy cảm, nhận

thức sâu sắc tính quy luật của sự phát triển kinh tế, đã viết nhiều bài dự báo những nét đặc trưng cơ bản của thời đại mới - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, đồng thời nêu ra những triển vọng và nhiệm vụ của phong trào công nhân quốc tế.

Nghiên cứu về Ph.Ăngghen, với tính cách là người thực hiện di chúc về trước tác của C.Mác, đem lại ý nghĩa sát thực cho công tác lý luận hiện nay:

Một là, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công tác lý luận hiện nay là *tiếp tục nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc* chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cách gọi “chủ nghĩa Mác” trước đây và sau đó là: “Chủ nghĩa Mác-Lênin” là diễn đạt *ngắn gọn*. Điều này vận dụng nguyên tắc ngôn ngữ học chứ tuyệt nhiên không phải là sự coi nhẹ hay đánh giá thấp vai trò của Ph.Ăngghen trong xây dựng học thuyết cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động quốc tế.

Như trình bày ở phần trên, chưa kể đến những hoạt động khoa học riêng của Ph.Ăngghen hoặc chung với C.Mác..., chỉ nói đến công việc Ph.Ăngghen làm đối với các trước tác chưa kịp hoàn thiện, những di sản khoa

học của C.Mác chưa kịp hoàn thành... cũng đã nhận thấy *đóng góp to lớn* *nhường nào* của ông cho hệ thống lý luận của phong trào cách mạng thế giới. Vì thế, V.I.Lênin nhấn mạnh rằng: “Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Mác và trình bày đầy đủ được chủ nghĩa Mác, nếu không chú ý đến *toàn bộ* những tác phẩm của Ăngghen”¹⁵. Nhấn mạnh này cũng là lời nhắc nhở chúng ta hôm nay, trước hết là đội ngũ công tác lý luận và các tổ chức nghiên cứu - giảng dạy lý luận, *một mặt*, ghi nhớ công lao vĩ đại trong phát kiến lý luận của Ph.Ăngghen; *mặt khác*, phải vươn tới nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin một cách *hệ thống, đồng bộ*, trong đó có di sản lý luận của Ph.Ăngghen và những gì ông kết hợp hoạt động khoa học và thực hiện di chúc về trước tác của C.Mác. Qua đây, những giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin mới được khai thác đầy đủ cả về phương diện triết học, kinh tế và chính trị - xã hội. Cũng qua đó mới củng cố hơn nữa niềm tin của xã hội và của chính chúng ta - những người cán bộ lý luận, vào hệ tư tưởng - kim chỉ nam của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, như vừa nói, hệ tư tưởng của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiện nay, *bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng* và đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch vẫn là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Thực tế mấy năm triển khai thực hiện *Nghị quyết số 35-NQ/TW*¹⁶ cho thấy, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có nội dung rộng lớn, bằng nhiều hình thức và thật khó khăn, phức tạp. Nhiều lực lượng tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trong đó đội ngũ tuyên giáo là nòng cốt, nhưng quan trọng hơn là bộ phận những người *trực tiếp đọc - nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm kinh điển* của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhiều người nghiên cứu, tuyên truyền, giảng dạy, bảo vệ... hệ tư tưởng của Đảng có thể dựa trên những cơ sở dữ liệu *thứ cấp*. Còn bộ phận tiếp cận trực tiếp với tác phẩm kinh điển (phần lớn là cán bộ lý luận, một số trí thức và nhân dân có tâm huyết và trình độ học vấn cao...) trong nghiên cứu có khả năng khai thác đúng và hiểu rõ bản chất những nguyên lý lý luận của chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó góp phần có hiệu quả và thuyết phục vào thực hiện nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà Nghị quyết số 35-NQ/TW nêu ra. Đồng thời, nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học có chất lượng tốt của họ (tạp chí, sách, đề tài khoa học, giáo trình - bài giảng...) chính là *tài liệu thứ cấp đáng tin cậy* cho đông đảo cán bộ, nhân dân làm cơ sở tham gia với nhiều hình thức vào bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Do đó, cần đánh giá cao những sản phẩm khoa học nghiên cứu trực tiếp kinh điển. Cần động viên, khuyến khích để có nhiều cán bộ lý luận tiếp cận trực tiếp với kinh điển. Thế nhưng, đọc trực tiếp, phân tích, khai thác các nội dung trong các tác phẩm kinh điển không phải là dễ dàng. Vì thế phải có phương pháp tiếp cận kinh điển. Một trong những phương pháp nổi bật ở Ph.Ăngghen khi thực hiện các hoạt động khoa học theo di chúc của C.Mác là: *tinh thần biện chứng*. Như nêu ở phần trên, mỗi khi tái bản các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen đều chỉnh sửa thận trọng, theo ông tái bản không hẳn là in lại như cũ, mà cần

có sự biến đổi nào đó một cách hợp lý, để tác phẩm chính xác hơn, hay hơn, đúng với những yêu cầu của điều kiện mới... Hoặc nhiều tác phẩm tái bản khác của C.Mác, Ph.Ăngghen thường đảm nhận việc viết lời mở đầu, lời tựa... (có những tác phẩm mấy lần) để giải thích thêm cho tác phẩm, bổ sung, chỉnh lý hoặc nhấn mạnh vấn đề nào của tác phẩm... do đòi hỏi từ sự biến đổi khách quan...

Tinh thần biện chứng trong công tác lý luận hiện nay ở nước ta có những yêu cầu cụ thể và đã được nêu ra ngay từ yêu cầu của *Nghị quyết số 01-NQ/TW*, ngày 28/3/1992 và nhắc lại ở *Nghị quyết số 37-NQ/TW*, ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị, nay vẫn cần tiếp tục quán triệt. Đó là, công tác lý luận phải khẳng định và làm rõ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, làm rõ những vấn đề cần nhận thức cho đúng, những vấn đề cần tiếp tục bổ sung và phát triển trên cơ sở tổng kết và khái quát những kinh nghiệm thực tiễn mới và những thành tựu của khoa học hiện đại. Nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời chú trọng nghiên cứu những tinh hoa trí

tuệ của dân tộc. Đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin, về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều cũng như chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc.

Ba là, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, trong đó có *dự báo khoa học*, là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của công tác lý luận. Để hoàn thành tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, Ph.Ăngghen, không chỉ trên cơ sở tài liệu của C.Mác đã chuẩn bị, mà còn dựa vào kết quả khảo sát thực tiễn của nhiều nghiên cứu khác, mà C.Mác chưa kịp tiếp cận. Vào những năm cuối đời, Ph.Ăngghen đặc biệt chú ý đến những dấu hiệu manh nha của *chủ nghĩa đế quốc*, từ đó đã có nhiều dự báo khoa học về cách mạng vô sản và xã hội tương lai. Về chính trị, ông nhấn mạnh đến sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong sự liên minh với các giai tầng khác, trong đó có giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Do đó, ở tác phẩm *Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức*, viết năm 1894, Ph.Ăngghen

phân tích khá toàn diện về giai cấp nông dân với tính cách “... là nhân tố rất cơ bản của dân cư, của nền sản xuất và của lực lượng chính trị”¹⁷. Còn trong thư gửi *Đại hội quốc tế các sinh viên xã hội chủ nghĩa*, cũng vào năm 1894, Ph.Ăngghen dự báo tương lai sẽ hình thành “giai cấp vô sản trí thức” và trí thức có vai trò to lớn trong cách mạng vô sản. Ông viết: “... sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân còn cần phải có những bác sĩ, kỹ sư, nhà khoa học và các chuyên gia khác...”¹⁸.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta rất chú trọng đến công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Về thường xuyên và lâu dài là tiếp tục làm rõ cơ sở thực tiễn, lý luận, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao năng lực khoa học phục vụ công tác lý luận, bảo đảm cung cấp luận cứ khoa học vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước mắt đến đầu năm 2026, tiến hành Đại hội XIV, hoạt động lý luận tập trung tích cực vào công tác chung

của Đảng là: chuẩn bị các *Văn kiện Đại hội*. Công tác lý luận này thật quan trọng và nặng nề góp phần nghiên cứu thực tiễn, lý luận của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, tổng kết 40 năm tiến hành đổi mới và mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước trong 5 năm tới (2026-2030), cùng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030)...

Các cá nhân, tổ chức khoa học, trong đó nhất là *Tiểu ban Văn kiện, Tổ Biên tập Văn kiện...* thật vinh dự, nhưng trách nhiệm cũng thật nặng nề khi được trực tiếp tham gia công tác chuẩn bị các Văn kiện Đại hội XIV. Do đó, phải quán triệt quan điểm chỉ đạo của Nguyên Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, khi thực hiện công việc là: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” và “Gắn kết nhuần nhuyễn giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn; giữa nghiên cứu lý luận,

tổng kết thực tiễn với định hướng chính sách”¹⁹.

Bốn là, đức tính của người nghiên cứu lý luận chính trị mácxít (cán bộ lý luận). Ph.Ăngghen có đủ và ở mức độ điển hình về những đặc tính cơ bản này. Cán bộ lý luận chúng ta chưa thể đạt được như vậy, nhưng rất cần noi theo để nâng cao hơn năng lực và hiệu quả công tác lý luận của mình cho công cuộc đổi mới đất nước.

Trước hết, đó là *niềm tin vào lý tưởng cộng sản*. Điều này, ở Ph.Ăngghen là biểu hiện ở việc tin tưởng vào học thuyết mà mình cùng C.Mác xây dựng. Học thuyết mang bản chất nhân văn, khoa học và cách mạng, không phải xuất phát từ chủ quan mà từ đòi hỏi của thực tiễn phát triển xã hội, để giải phóng giai cấp và con người đi đến tương lai tươi sáng. Điều này, ở Ph.Ăngghen, còn được biểu hiện cụ thể trong tình yêu C.Mác, người tiên phong trong xây dựng học thuyết. Nói về điều này. V.I.Lênin viết: “Mối tình thân yêu của ông đối với Mác lúc còn sống và lòng kính mến của ông đối với Mác lúc đã mất, thật vô hạn. Người chiến sĩ khắc khổ và nhà tư tưởng nghiêm nghị ấy có một

tấm lòng yêu thương thật là sâu sắc”²⁰.

Từ niềm tin vào hoạt động khoa học của mình, Ph.Ăngghen đã *vượt qua nhiều khó khăn* trong lao động sáng tạo. Công việc khoa học, vốn dĩ, chưa bao giờ dễ dàng. Điều này nhân lên nhiều đôi với công việc khoa học của Ph.Ăngghen, sau khi C.Mác mất, như nêu ở phần đầu. Và chứng minh điều này có thể nhận thấy chỉ cần qua một đánh giá của V.I.Lênin về tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước* rằng, trong tác phẩm đó “có thể tin vào từng câu, có thể tin rằng mỗi câu không phải được nói một cách hời hợt, mà được viết trên cơ sở những đồng tài liệu lịch sử, và chính trị khổng lồ”²¹.

Đánh giá trên của V.I.Lênin, cũng cho thấy đặc tính *ngghiêm túc, chặt chẽ* trong nghiên cứu khoa học của Ph.Ăngghen. Bản thảo quyển II và III bộ *Tư bản* với hàng chục ngàn trang bản thảo, khi biên tập để xuất bản, ông đọc từng trang, từng dòng, chữa từng câu, từng chữ với rất nhiều thời gian, kể cả khi ốm đau. Các tác phẩm khác của C.Mác, khi đem in hoặc tái bản, Ph.Ăngghen cũng làm như vậy. Ph.Ăngghen *chân thành và khiêm tốn*

về khoa học, Ph.Ăngghen có công lao rất lớn cùng với C.Mác xây dựng học thuyết cách mạng nói chung và thực hiện di chúc về trước tác của C.Mác nói riêng, nhưng ông “luôn coi mình là cây vĩ cầm thứ hai bên cạnh Mác”. Khi biên tập, bổ sung tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen luôn giữ nguyên tắc làm cho tác phẩm hoàn chỉnh hơn nhưng “lại phải làm cho chính nó thành tác phẩm riêng của tác giả, chứ không phải của người biên tập”²²...

Nghiên cứu khoa học chân chính là có phát kiến mới, thúc đẩy sự phát triển, đồng thời *kiên quyết đấu tranh với cái lạc hậu, sai trái, phản tiến bộ*. Điển hình tinh thần này của Ph.Ăngghen là ở tác phẩm *Chống Duyrinh*, viết năm 1877. Trong đó, Ph.Ăngghen đã phê phán mạnh mẽ, không khoan nhượng với những quan điểm sai trái - “đảo lộn khoa học” của Duyrinh. Đồng thời, qua đây trình bày toàn diện và phát triển những bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác. Ph.Ăngghen cũng đã phát huy tinh thần này trong các hoạt động khoa học, sau khi C.Mác qua đời, để bảo vệ và phát triển học thuyết mà hai ông đã dày công nghiên cứu, xây dựng nên.

Nói theo tám gương Ph.Ăngghen, hiện nay ở nước ta, cần một đội ngũ cán bộ lý luận với những đặc tính phù hợp với công tác lý luận trong công cuộc đổi mới. Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu những biện pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác lý luận đến năm 2030, trong đó có biện pháp 3.2.

Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, các chuyên gia đầu ngành; nâng cao trình độ năng lực nghiên cứu, nhất là năng lực phân tích dự báo. Các nội dung của biện pháp này cần được bổ sung và khái quát để có được hệ thống những đặc tính cơ bản của người cán bộ lý luận ở nước ta hiện nay ■

¹ C.Mác mất ngày 14/3/1883.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19, tr.511.

^{3,7} V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Matxcova, 1974, t.2, tr.12, 12.

^{4, 13, 14, 23} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.24, tr.11, 21, 28, 11.

⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr.21.

^{6,9} Xem Tiểu sử Ph.Ăngghen, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, t.2, tr.181, 223.

⁸ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.43-44.

^{10, 11, 12, 18, 19} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.22, tr.297, 286, 290, 613, 613.

¹⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.39, tr.545.

¹⁶ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Matxcova, 1980, t.26, tr.110.

¹⁷ ĐCSVN: Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

²⁰ Nguyễn Phú Trọng: *Việc chuẩn bị các Văn kiện Đại hội XIV...*, Tạp chí Cộng sản (điện tử), 22:33, ngày 23/02/2024.

²¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Matxcova, 1974, t.2, tr.12.

²² Trích lại của Tiểu sử Ph.Ăngghen, Nxb Khoa học xã hội, 1977, t.2, tr.223.